

Số: 596/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023
và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Phần I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

Năm 2023, là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Trong điều kiện tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, thách thức nhiều hơn so với dự báo; cạnh tranh chiến lược, xung đột xảy ra ở một số quốc gia; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm; lạm phát ở mức cao; hoạt động xuất, nhập khẩu bị thu hẹp. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gặp nhiều thách thức; thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng.

Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục phục hồi khá tốt sau đại dịch Covid-19, nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn được Trung ương, Chính phủ ban hành thúc đẩy sự phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, nền kinh tế còn chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm bộc lộ rõ hơn trong khó khăn; khả năng cạnh tranh, sức chống chịu còn hạn chế; dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lũ diễn biến phức tạp, gây thiệt hại ở một số địa phương.

Trước tình hình đó, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết số 32-NQ/TU ngày 26/12/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng nhiệm vụ năm 2023, Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 29/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 19/01/2023 để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 và tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023 trên địa bàn tỉnh, kết quả như sau:

I. VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế¹

Kinh tế tỉnh Kiên Giang phục hồi và phát triển mạnh, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 6,79% (kế hoạch 6,5%). Trong đó, các khu vực: (i) nông - lâm - thủy sản, tăng 2,96%; (ii) công nghiệp - xây dựng, tăng 8,36%; (iii) thương mại - dịch vụ, tăng 10,02%; (iv) thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm, tăng 5,95%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, so với cùng kỳ: (i) nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 37,02% (giảm 1,25%); (ii) công nghiệp - xây dựng chiếm 20,53% (giảm 0,04%); (iii) dịch vụ chiếm 37,53% (tăng 1,4%) và Thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,92% (giảm 0,11%).

Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2023 ước đạt 73.377,01 tỷ đồng (giá so sánh 2010), vượt 0,68% so với kế hoạch, tăng 6,79% so với cùng kỳ; GRDP bình quân đầu người ước đạt 73,74 triệu đồng, tăng 3,85% so với kế hoạch.

1.2. Về tình hình sản xuất, kinh doanh

a) Về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Sản xuất nông nghiệp: Tổng diện tích lúa gieo trồng cả năm là 712.856ha/700.000ha, vượt 1,84% kế hoạch; ước sản lượng đạt 4.555.929 tấn, vượt 3,54% so với kế hoạch và tăng 3,42% so cùng kỳ; trong đó, lúa chất lượng cao chiếm 97,1% diện tích gieo trồng, vượt 7,1% so với kế hoạch². Toàn tỉnh đã xây dựng được 1.334 cánh đồng lớn với diện tích 167.225,7 ha³ (trong đó có 1.026 cánh đồng, diện tích 120.696,58 ha gắn với liên kết tiêu thụ⁴).

Diện tích sản xuất rau màu, cây ăn trái duy trì ổn định và tăng nhẹ so với cùng kỳ: rau đạt 14.607 ha, vượt 0,74% kế hoạch và tăng 31,5% so cùng kỳ; sản lượng đạt 302.280 tấn, vượt 0,21% kế hoạch và tăng 28,72% so cùng kỳ. Cây công nghiệp và cây ăn quả: duy trì diện tích canh tác 18.560 ha, vượt 2,73% so với kế hoạch và giảm 7,8% so với cùng kỳ, sản lượng 169.223 tấn, tăng 7,28% so với kế hoạch và giảm 24,48% so với cùng kỳ⁵.

Toàn tỉnh có 9/12 huyện, thành phố thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa với diện tích 6.633 ha, đạt 86,4% so với kế hoạch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao năm 2023⁶. Công tác hướng dẫn, đề xuất cấp mã số vùng trồng được quan tâm tổ chức thực hiện nhằm minh bạch nguồn gốc sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị hàng nông sản và xây dựng thương hiệu địa phương: Đến

¹ Theo công bố của Tổng cục Thống kê

² Tỷ lệ lúa chất lượng cao giảm 0,22% so với năm 2022.

³ Tăng 641 cánh đồng lớn và tăng 57.893,69 ha diện tích cánh đồng lớn so năm 2022.

⁴ So với năm 2022 tăng 524 cánh đồng với diện tích tăng thêm 46.257,58 ha được liên kết tiêu thụ, Trong đó có 27.087ha lúa vụ Mùa và Đông Xuân đạt chuẩn chứng nhận SPRS, hữu cơ, GlobalGap, VietGap. Vụ Hè Thu và Thu Đông có 28.078,8ha sản xuất lúa đạt chuẩn xuất khẩu EU, USA, kiểm soát dư lượng theo hướng hữu cơ.

⁵ Giảm 54.847 tấn, chủ yếu giảm cây mía, hồ tiêu.

⁶ Trong đó, vụ Đông Xuân chuyển đổi 4.454ha, vụ hè thu chuyển đổi 1.377ha, vụ Thu Đông 901,8ha.

nay⁷ toàn tỉnh có 389 mã số vùng trồng, trong đó có 165 mã số xuất khẩu và 224 mã số nội bộ, với tổng diện tích 13.189,3 ha cho 15 loại cây trồng⁸ phục vụ xuất khẩu chủ yếu ở các thị trường EU, Nga, Canada, Singapur, Trung Quốc, Malaysia (gồm vùng trồng lúa được cấp 325 mã, với tổng diện tích 11.885,8 ha phục vụ xuất khẩu ở các thị trường EU, Nhật bản).

- *Chăn nuôi*: Hoạt động chăn nuôi chịu tác động bất lợi của thị trường do giá thức ăn chăn nuôi cao, giá thịt hơi giảm, đặc biệt là chăn nuôi heo, tổng đàn thấp so với cùng kỳ. Mặt khác, công tác thu hút đầu tư lĩnh vực chăn nuôi khép kín, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi trang trại ứng dụng công nghệ cao nhằm thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 còn khó khăn, nên tổng đàn bò, đàn heo không đạt kế hoạch; riêng đàn trâu và đàn gia cầm đạt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ⁹.

Tình hình phát triển dẫn dụ nuôi chim yến: Toàn tỉnh hiện có 2.995 hộ dẫn dụ chim yến (diện tích sàn khoảng 730.630m²)¹⁰. Ước sản lượng yến sào thu hoạch năm 2023 là 17.000 kg, bằng 94,4% kế hoạch và tăng 30,7% so cùng kỳ.

- *Thủy sản*: Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng ước đạt 798.319 tấn, bằng 95,04% kế hoạch và bằng 97,14% so cùng kỳ¹¹, chủ yếu do giảm sản lượng khai thác; trong đó, sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 437.199 tấn, đạt 91,08% so kế hoạch, giảm 12,97% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng ước 361.120 tấn, vượt 0,31% kế hoạch, tăng 13,03% so cùng kỳ (tăng 41.643 tấn), riêng tôm nuôi 121.000 tấn, vượt 0,41% kế hoạch và tăng 9,4% so cùng kỳ.

- *Thực hiện IUU*: Tiếp tục thực hiện nghiêm, quyết liệt 4 nhóm khuyến nghị của EC về khung pháp lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động tàu cá, hoạt động đội tàu, chứng nhận sản lượng và truy xuất nguồn gốc, thực thi pháp luật. Toàn tỉnh hiện có 8.222 tàu cá, trong đó có 3.643 tàu khai thác xa bờ; đến nay đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS) cho 3.618/3.643 tàu, đạt 99,3%¹². Kết quả:

+ Thông qua hệ thống giám sát hành trình tàu cá, đã theo dõi giám sát 100% tàu cá từ 15m trở lên được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đang hoạt động khai thác thủy sản trên biển, nhằm gọi điện nhắc nhở và cảnh báo các chủ tàu, thuyền trưởng khi tàu bị mất kết nối và vượt ranh giới trên biển.

⁷ Tính đến ngày 02/11/2023.

⁸ 15 loại cây trồng gồm: Bưởi (09 MSVT, 90ha); Chuối (05 MSVT, 153ha); Dừa (02 MSVT, 44,8ha); Khóm (18 MSVT, 353,2ha); Gừng (02 MSVT, 23ha); Khoai lang (04 MSVT, 75ha); Khoai môn (03 MSVT, 30ha); Khoai môn (03 MSVT, 30ha); Măng Cụt (01 MSVT, 14,1ha); Mít (03 MSVT, 57ha); Sầu Riêng (04 MSVT, 58,7ha); Sim (01 MSVT, 10ha); Xoài (09 MSVT, 351,3ha); Tiêu (01 MSVT, 10,5ha); Dưa Lê (02 MSVT, 32,9ha) và lúa.

⁹ Lũy kế đến 15/10/2023 đàn heo 237.565 con, bằng 67,9% kế hoạch và giảm 5,47% so với cùng kỳ, đàn bò 10.573 con, bằng 92,62% kế hoạch, tăng 1,2% so với cùng kỳ; đàn trâu 4.608 con, bằng 94,9% kế hoạch và tăng 5,09% so với cùng kỳ, đàn gia cầm 6.180 ngàn con, tăng 29,67% so với kế hoạch và tăng 19,47% so với cùng kỳ.

¹⁰ Rạch Giá 872 nhà yến, Hòn Đất 708 nhà yến, Hà Tiên 232 nhà yến.

¹¹ Tương đương giảm 23.50 tấn.

¹² Còn 25 tàu chưa lắp đặt thiết bị giám sát, đã có hình ảnh và vị trí nằm bờ được cập nhật đầy đủ trên bản đồ goolge.

+ Công tác kiểm soát tàu cá cấp, rời cảng, kiểm soát sản lượng thủy sản qua cảng thực hiện khá tốt, đã kiểm tra 22.830 lượt¹³, không có phương tiện vi phạm. Việc xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác được thực hiện chặt chẽ và đúng theo quy định.

+ Công tác thực thi pháp luật trong xử phạt đối với hành vi khai thác IUU: Đến cuối tháng 10/2023, có 13 vụ/23 tàu vi phạm vùng biển nước ngoài bị bắt giữ, xử lý và tàu cá có dấu hiệu vi phạm vùng biển nước ngoài đang được xác minh, đã ra quyết định xử phạt 2 vụ/3 tàu, số tiền 1,8 tỷ đồng, tịch thu 2 tàu, đối với nhóm tàu vi phạm trong nước (*các vi phạm chủ yếu gồm: vi phạm quy định về thiết bị giám sát hành trình, sai nghề, sai vùng khai khác,...*), các lực lượng chức năng đã xử phạt vi phạm hành chính trên 27,15 tỷ đồng¹⁴.

- *Lâm nghiệp*: Diện tích đất có rừng toàn tỉnh là 76.700 ha, trong đó rừng tự nhiên chiếm 58.020 ha, rừng trồng là 18.680 ha. Ước năm 2023 tỷ lệ che phủ rừng 11,93%, vượt 0,93% so với kế hoạch. Tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng¹⁵, trong năm xảy ra 12 vụ cháy rừng, làm thiệt hại 12,47 ha¹⁶.

- *Về xây dựng nông thôn mới*: Năm 2023 công nhận thêm 3 xã nông thôn mới, 14 xã nông thôn mới nâng cao và 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 110/116 xã nông thôn mới (*chiếm 94,83%*), 19 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 7/15 huyện, thành phố¹⁷ đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Toàn tỉnh có 220 sản phẩm được công nhận OCOP, trong đó có 6 sản phẩm đạt hạng 5 sao quốc gia, 37 sản phẩm đạt hạng 4 sao và 147 sản phẩm đạt hạng 3 sao, 3 sản phẩm đạt hạng 4 sao tiềm năng.

- *Công tác phòng chống thiên tai*: Thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; thường xuyên theo dõi, thông tin về tình hình xâm nhập mặn để người dân chủ động phòng tránh và kiểm tra nguồn nước trước khi bơm tưới; chỉ đạo và phối hợp vận hành đóng, mở các cống Cái Lớn - Cái Bé, Rạch Giá- Kiên Lương, Ô Môn- Xà No,... đảm bảo an toàn nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt cho người dân ở các huyện Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao. Từ đầu năm đến nay, thiên tai đã làm 02 người chết; 18 người bị thương; sập 177 căn nhà; tốc mái 363 căn nhà; chìm 16 phương tiện đánh bắt thủy sản và nhiều thiệt hại khác; ước tổng giá trị thiệt hại về vật chất là khoảng 19,5 tỷ đồng, diện tích cây bị thiệt hại là 25.414,2 ha. Tỉnh đã kịp thời hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại do thiên tai gây ra, với tổng kinh phí là 2,48 tỷ đồng, từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

¹³ Trong đó tàu trên 24 mét là 696 lượt, tàu dưới 24 mét là 2.134 lượt. Giám sát hàng thủy sản bốc dỡ qua cảng 20.019 tấn, cấp 533 giấy chứng nhận bốc hàng qua cảng, sản lượng 300,5 tấn, đã xác nhận nguồn gốc thủy sản 103 hồ sơ cho 14 doanh nghiệp, với sản lượng 1.853,7 tấn.

¹⁴ Gồm: xử lý vi phạm trên biển 593 vụ, số tiền 11,55 tỷ đồng, xử lý vi phạm quy định về thiết bị giám sát hành trình của chủ 19 tàu (66 thiết bị), số tiền 15,6 tỷ đồng.

¹⁵ Xử lý hành chính 89 vụ vi phạm đất đai, lâm nghiệp, giảm 163 vụ so với năm 2022. Diện tích rừng thiệt hại do phá rừng 38.075,88m² (3,8ha); trong đó: rừng đặc dụng: 14.301,41 m² và rừng phòng hộ: 23.774,47 m².

¹⁶ Phú Quốc 10 vụ, Giang Thành 2 vụ chủ yếu là cháy dây leo, cây bụi, cây rừng đã chặt phá trước đó.

¹⁷ Gồm: các huyện Tân Hiệp, Giồng Riềng, Gò Quao, Vĩnh Thuận và thành phố Hà Tiên, An Biên, Kiên Lương.

b) Công nghiệp

Tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp tăng cường hỗ trợ, thúc đẩy phục hồi sản xuất và kinh doanh trên địa bàn tỉnh ngay từ những tháng đầu năm 2023¹⁸, nhất là thực hiện tốt các chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất. Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 49.650,67 tỷ đồng, vượt 3,05% so với kế hoạch và tăng 11,46% so với cùng kỳ (*trương đương vượt 1.469,85 tỷ đồng*). Hầu hết các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh đều tăng cao so cùng kỳ như: Giày da tăng 28,85%; tôm đông tăng 30,99%; quần áo may sẵn tăng 10,66%, điện thương phẩm tăng 9,33%,... Bên cạnh đó, một số sản phẩm do chịu tác động từ tình hình giá cả đầu vào tăng, thị trường tiêu thụ khó khăn nên sản lượng sụt giảm so với cùng kỳ như: bia giảm 46,36%, gạch các loại giảm 15,29%, bao bì giảm 14,51%, clinker giảm 4,92%.

Về tình hình đầu tư các khu công nghiệp (KCN): Hiện tại, tỉnh có 02 khu công nghiệp (KCN) đã đi vào hoạt động (*KCN Thuận Yên và KCN Thạnh Lộc*). KCN Thạnh Lộc tiếp nhận 22 dự án đăng ký đầu tư đã cấp GCNĐKĐT/QĐCTĐT, diện tích đăng ký là 69,36 ha, vốn đăng ký đầu tư là 6.645 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy (giai đoạn 1) đạt 63%; lũy kế đến nay có 17 dự án đã đi vào hoạt động¹⁹; 04 dự án đang thực hiện thủ tục đất đai và triển khai xây dựng²⁰; 01 dự án đang liên hệ thực hiện thủ tục chấm dứt dự án²¹. KCN Thuận Yên có 01 dự án đã cấp GCNĐKĐT/QĐCTĐT và đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, diện tích đăng ký là 22,60 ha, vốn đăng ký 292,5 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy đạt 25,84%²². Tăng cường tuyên truyền, xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KCN vào tìm hiểu cơ hội đầu tư tại các KCN (Thạnh Lộc, Thuận Yên, Xẻo Rô)²³.

Về tình hình đầu tư, phát triển các cụm công nghiệp (CCN): Đến nay đã có 04 CCN được thành lập và 03 CCN được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500, với tổng diện tích là 184,16 ha. Trong tổng số 04 CCN được thành lập, đã triển khai đầu tư xây dựng hoàn thành cơ bản hạ tầng kỹ thuật cho 01 CCN và thực hiện cho thuê đất²⁴; 01 CCN đang tổ chức triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, với tổng vốn đầu tư là 78,06 tỷ đồng. Các CCN đã thu hút được 04 dự án đầu tư, với tổng diện tích thuê đất là 15,86 ha, tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 1.350,5 tỷ đồng. Trong đó có 03 dự án đi vào hoạt động; 01 dự án đang triển khai đầu tư xây dựng; giải quyết việc làm cho 1.140 lao động. Các CCN

¹⁸ Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 8/6/2023 của tổ phục hồi sản xuất công nghiệp tỉnh Kiên Giang năm 2023.

(¹⁹) 17 Dự án: Bia (Sài Gòn Kiên Giang), gỗ (Cty MDF), giày (Cty Thái Bình), Giày (Cty Hwaseung), cấp nước Thạnh Lộc (Cty Nước và môi trường), dịch vụ viễn thông (Viễn thông KG), VLXD (Cty CIC), VLXD (Cty HUD), thủy sản đông lạnh (Cty Kiên Hùng), Cảng Thạnh Lộc (Cty Khánh Long), Ống nhựa + điện (Cty PT Mekong), xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất gia công đồ gỗ và xây dựng nhà xưởng cho thuê sản xuất các sản phẩm may (Cty Toàn Lộc), sản xuất đồ giày (Tae sung Rạch Giá), nhà máy sản xuất và gia công giày thể thao xuất khẩu (dự án mở rộng- Cty Hwaseung), kính cường lực (Cty Tâm Lộc Phú); VLXD (Cty Phú Thành).

(²⁰) 04 dự án: Dệt phẩm (Cty Dệt), VLXD (Trần Quế Trân), VLXD (Cường Thịnh Phú Quốc), giày dép (Cty Thái Bình).

(²¹) 01 dự án: Nước giải khát (Cty NLHC Đông Dương).

(²²) 01 dự án: Gạch tynel Thông Thuận.

²³ Đã triển khai thực hiện việc giới thiệu các thông tin về quy hoạch, tình hình đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư vào KCN,... trên Tạp chí Truyền thông và Phát triển, Tạp chí diễn đàn doanh nghiệp,...; tham gia Hội chợ Vietnam Expo 2023, Hội nghị xúc tiến đầu tư tại TP.HCM và tại Kiên Giang,... để giới thiệu các DN, NĐT về các KCN trên địa bàn tỉnh; làm việc với Công ty CP KCN Hồ Nai để xúc tiến kêu gọi đầu tư.

²⁴ CCN Vĩnh Hòa Hưng Nam giai đoạn 1.

còn lại đang trong quá trình kêu gọi đầu tư hoặc thực hiện các thủ tục pháp lý về đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Về Quy hoạch - Xây dựng

- Đối với *Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023. UBND tỉnh đang chỉ đạo rà soát hoàn thiện hồ sơ, gửi cơ sở dữ liệu tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch và tổ chức Hội nghị công bố quy hoạch trong tháng 12/2023.

- Về lĩnh vực *quy hoạch xây dựng*, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn tỉnh. Trong năm phê duyệt 04 đồ án và 12 nhiệm vụ quy hoạch²⁵. Đối với 03 đô thị lớn thì: Quy hoạch chung thành phố Rạch Giá đến năm 2040 đã được UBND tỉnh phê duyệt; Quy hoạch chung thành phố Phú Quốc, Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên đến năm 2040 đang trình Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

- Về lĩnh vực *xây dựng*: Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn tỉnh và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang²⁶. Thành lập Tổ công tác đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng, kiểm soát việc khai thác các mỏ đất, đá, vật liệu san lấp và theo dõi biến động thị trường; ban hành suất đầu tư hạ tầng mẫu tái định cư trên địa bàn huyện Kiên Lương²⁷. Xây dựng định mức, đơn giá công tác bốc dỡ vật liệu (cát, đá các loại) bằng máy đối với những công trình có khối lượng vật liệu thi công lớn; đơn giá nhân công, máy thi công, chỉ số giá 2023; đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh năm 2023,... Đồng thời thực hiện

²⁵ Gồm: **Quy hoạch xây dựng vùng huyện** (01 Đồ án QHXD vùng huyện An Biên, 01 Nhiệm vụ QHXD vùng huyện Kiên Hải); **Quy hoạch chung đô thị** (01 Đồ án Điều chỉnh QHC thành phố Rạch Giá và 09 Nhiệm vụ QHC thị trấn Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Sóc Sơn (Hòn Đất), đô thị mới U Minh Thượng, Tân Khánh Hòa (Giang Thành), Hòn Tre, An Sơn, Lại Sơn, Nam Du (Kiên Hải)); **Quy hoạch phân khu xây dựng** (02 Đồ án: Đồ án QHPKXD Khu dân cư làng nghề và Trung tâm xã Hàm Ninh tại xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc; Đồ án QHPKXD Khu du lịch Bãi Sao tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc và 02 Nhiệm vụ: nhiệm vụ QHPKXD Khu dân cư cao cấp tại ấp Bãi Bón, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc; Nhiệm vụ QHPKXD Khu du lịch Bãi Sao tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc);

²⁶ Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn hành chính các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 phân cấp thẩm quyền quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh;

²⁷ Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 14/3/2023; Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

rút ngắn thời gian thực hiện cấp phép xây dựng theo hướng giảm 05 ngày thực hiện so với quy định hiện hành, nhằm hỗ trợ, tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ dự án²⁸.

- *Về phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật*: Tỷ lệ đô thị hóa nội thị (gồm các phường, thị trấn) đạt 30,12% (so với kế hoạch năm 2023 là 29,71%), tỷ lệ đô thị hóa toàn đô thị (nội, ngoại thị và các đô thị hình thành mới) đạt 35,6%, đạt chỉ tiêu kế hoạch. Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch (toàn đô thị) đạt 88,35%, đạt chỉ tiêu kế hoạch. Phê duyệt 8 đề cương chương trình phát triển đô thị²⁹; Sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh; hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu và Đề án phân loại đô thị thành phố Rạch Giá là đô thị loại I, đô thị thị trấn Giồng Riềng, đô thị mới U Minh Thượng.

- *Về phát triển nhà ở và thị trường bất động sản*: Thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024. Ban hành quy định đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2023, kế hoạch triển khai “Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp”. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 31/2022/NQ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách Nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản an toàn, lành mạnh. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh từng quý và cả năm 2023. Đã thông báo nhà hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua cho 05 dự án (09 đợt) tương đương khoảng 741 căn.

d) Thương mại - dịch vụ - du lịch

- *Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ*: ước đạt 135.940 tỷ đồng, vượt 8,01% kế hoạch và tăng 4,37% so cùng kỳ³⁰. Kim ngạch xuất khẩu ước 860 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 7,23% so cùng kỳ³¹. Kim ngạch nhập khẩu ước 135 triệu USD, đạt 84,38% kế hoạch và giảm 12,9% so cùng kỳ³².

- *Du lịch*: triển khai nhiều giải pháp kích cầu du lịch gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tăng cường liên kết, hợp tác phát triển du lịch; kết hợp các hoạt động quảng bá, xúc tiến, giới thiệu hình ảnh các điểm đến hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan, trải nghiệm. Từng bước số hóa dữ liệu lĩnh vực du lịch, hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Tổng khách du lịch trong năm ước đón 8,535 triệu lượt

²⁸ Thời gian giải quyết cấp giấy phép xây dựng mới; sửa chữa, cải tạo; di dời; cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Luật Xây dựng 18/6/2014 là 20 ngày đối với cấp mới), còn lại 15 ngày đối với thủ tục cấp mới giấy phép xây dựng.

²⁹ Gồm Chương trình phát triển đô thị: Rạch Giá, Giồng Riềng, Vĩnh Thuận, Minh Lương, Gò Quao, Tân Hiệp, Thứ Ba và đô thị mới U Minh Thượng.

³⁰ Trong đó: Bán lẻ hàng hóa đạt 78.019 tỷ đồng, tăng 11,01% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 28.768 tỷ đồng, tăng 63,49% so với cùng kỳ; dịch vụ du lịch lữ hành đạt 769 tỷ đồng bằng 98,09% so cùng kỳ; dịch vụ khác đạt 28.384 tỷ đồng, tăng 7,64% so với cùng kỳ.

³¹ Trong đó: Nông sản đạt 337,3 triệu USD, tăng 85,76%, hải sản đạt 228 triệu USD, giảm 18,85%, giày da đạt 179,7 triệu USD, tăng 9,43%, hàng khác đạt 115 triệu USD, giảm 34,38% so với cùng kỳ.

³² Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như thạch cao, hạt nhựa, hải sản, nguyên liệu giày da, thủy sản, lúa...

khách, vượt 2,8% kế hoạch, tăng 15,3% so cùng kỳ; riêng khách du lịch quốc tế đạt 573 nghìn lượt khách, vượt 63,8% kế hoạch, tăng 02 lần so với cùng kỳ; tổng doanh thu du lịch 17.479 tỷ đồng, vượt 34,5% so với kế hoạch, tăng 65,1% so với cùng kỳ.

Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách: Ước cả năm vận chuyển hành khách đạt 57,2 triệu lượt hành khách, vượt 13,64% kế hoạch, tăng 21,69% so cùng kỳ; luân chuyển hành khách đạt 4.509 triệu hành khách/km, vượt 14,08% kế hoạch, tăng 22,38% so cùng kỳ. Khối lượng vận chuyển hàng hóa ước 14,63 triệu tấn, đạt 96,06% so với kế hoạch, tăng 4,54% so với cùng kỳ; luân chuyển hàng hóa đạt 1.239,9 triệu tấn/km, đạt 96% so với kế hoạch, tăng 4,9% so với cùng kỳ.

đ) Tài chính - ngân hàng

- *Thu, chi ngân sách:* Ước tổng thu ngân sách 15.120,5 tỷ đồng, vượt 24,2% so với kế hoạch, tăng 26,83% so với cùng kỳ. Trong đó có 9/16 khoản thu đạt và vượt so với dự toán³³, 07/16 khoản thu dự kiến không đạt nhưng chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng thu ngân sách. Ước tổng chi là 17.160,77 tỷ đồng, đạt 99,65% so với kế hoạch, trong đó, chi đầu tư phát triển 4.609 tỷ đồng, đạt 95,5% so với kế hoạch, tăng 22,38% so với cùng kỳ. Việc chi mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo phương thức tập trung và theo danh mục tài sản được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

- *Hoạt động ngân hàng:* Duy trì ổn định, góp phần phục hồi kinh tế, vốn huy động tại địa phương ước đạt 73.030 tỷ đồng, tăng 6,5% so đầu năm; doanh số cho vay đạt 194.600 tỷ đồng (*có 81,99% doanh số cho vay là phục vụ sản xuất kinh doanh*); dư nợ cho vay ước đạt 125.700 tỷ đồng, tăng 10,2% so đầu năm. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp tăng khả năng tiếp cận tín dụng, hấp thụ vốn, hỗ trợ phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh như tiếp tục tập trung tín dụng cho sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, giảm mặt bằng lãi suất, tiếp tục thực hiện các chính sách tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, chương trình tín dụng tháo gỡ khó khăn cho ngành, lĩnh vực, cơ cấu lại thời hạn trả nợ³⁴..., triển khai hiệu quả Chương

³³ Như: thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 101% dự toán, tăng 3,3% so cùng kỳ; thuế thu nhập cá nhân đạt 104% dự toán; Thu tiền sử dụng đất đạt 145,2% so với kế hoạch, tăng 49,45%, thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 3.140 tỷ đồng, vượt 3,3 lần so với kế hoạch, tăng 8,09 lần so cùng kỳ...

³⁴ Tín dụng sản xuất kinh doanh tăng 10,88%; tín dụng lĩnh vực ưu tiên tiếp tục tăng trưởng (nông nghiệp, nông thôn tăng 10,68%, tín dụng xuất khẩu tăng 9,8%, tín dụng DNNVV tăng 9,66%). Mặt bằng lãi suất tiếp tục trên địa bàn giảm từ 0,5-2,5%/năm. Các chương trình hỗ trợ phục hồi: (i) Cho vay HTLS theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Doanh số cho vay HTLS đạt 803 tỷ đồng, số tiền đã hỗ trợ đạt 2,8 tỷ đồng với 13 khách hàng; (ii) Thực hiện nhóm các chính sách tín dụng tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội: Doanh số cho vay theo Nghị quyết 11/NQ-CP 548 tỷ đồng (4.737 khách hàng), dư nợ 542 tỷ đồng; (iii) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN của NHNN: Tổng giá trị nợ được cơ cấu lũy kế là 445 tỷ đồng (gốc là 418 tỷ đồng; lãi là 27 tỷ đồng) với số khách hàng được cơ cấu (lũy kế) là 171 khách hàng; (iv) Tiếp tục giám sát, theo dõi dư nợ được tháo gỡ khó khăn do dịch Covid-19 còn trong thời hạn cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ 157 tỷ đồng (368 khách hàng); miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ 18 tỷ đồng (9 khách hàng); cho vay mới 15.483 tỷ đồng (7.228 khách hàng). Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản: đã cam kết cho vay 300 tỷ đồng giải ngân 57 tỷ đồng/ số tiền của 13 lượt khách hàng (lĩnh vực thủy sản) được áp dụng lãi suất thấp hơn cho với lãi suất cho vay cùng loại.

trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp³⁵. Nợ xấu tiếp tục duy trì trong giới hạn an toàn là 1,35%.

e) Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- *Đầu tư công*: Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh giao³⁶ với tổng vốn là 6.685.471 triệu đồng. UBND tỉnh đã kịp thời giao 100% kế hoạch vốn cho các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện; đồng thời ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 11/4/2023, giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành và địa phương đẩy nhanh tiến độ giải ngân trên địa bàn tỉnh; gắn với việc kiểm tra, đôn đốc và tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc các dự án đầu tư công. Ước giá trị giải ngân đến ngày 31/01/2024 đạt 95,69% kế hoạch HĐND tỉnh giao, tăng 5,98% so cùng kỳ (cùng kỳ đạt 89,71%) và đạt 95,16% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; cao hơn cùng kỳ năm 2022 về giá trị gần 1.617,529 tỷ đồng³⁷.

- *Xây dựng giao thông nông thôn* được các huyện, thành phố tập trung triển khai. Ước đến hết năm 2023 giao thông nông thôn thực hiện 270/270km, đạt 100% kế hoạch; nâng cấp, mở rộng 260/260km, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng chiều dài đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh 7.083km/9.565km, đạt 74% số km đường giao thông nông thôn được quy hoạch.

- *Về năng lực cạnh tranh cấp tỉnh*: Theo công bố của VCCI, chỉ số PCI năm 2022 của tỉnh được 62,24 điểm, xếp thứ 56/63 tỉnh, thành phố, tăng 4 bậc xếp hạng so năm 2021, xếp vị trí thứ 11/13 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đây cũng là năm thứ 3 liên tiếp Kiên Giang tăng bậc trên bảng xếp hạng PCI cả nước.

- *Tình hình thu hút đầu tư*: Trong năm 2023, tỉnh cấp mới quyết định chủ trương đầu tư 06 dự án, với quy mô 18,43 ha, tổng vốn đầu tư 1.173,96 tỷ đồng³⁸; so với năm 2022: giảm 03 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư giảm 7.207,03 tỷ đồng. Cấp điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư 126 dự án, so với năm 2022: tăng 51 dự án, số vốn điều chỉnh tăng 41.456,244 tỷ đồng. Thực hiện thông báo góp vốn, mua phần vốn góp cho 29 nhà đầu tư, với tổng vốn góp, mua phần vốn góp là 188,16 tỷ đồng. Thu hồi chủ trương đầu tư 24 dự án. Lũy kế đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 749 dự án đang triển khai thực hiện, với diện tích 31.667,73 ha và tổng vốn đăng ký đầu tư 602.104,35 tỷ đồng (*bao gồm 54 dự án FDI, với quy mô 1.622,548 ha, tổng vốn đầu tư 2.761.773.200 USD*); đã có 371 dự án đã đi vào hoạt động, với quy mô 14.849,41 ha, tổng vốn đầu tư 111.024,537 tỷ đồng (*gồm 44 dự án FDI, tổng vốn đăng ký 552 triệu USD*).

- *Tình hình đăng ký doanh nghiệp*: Trong năm, ước thành lập mới được 1.500 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 15.900 tỷ đồng, đạt 100% về số

³⁵ Các TCTD ký hợp đồng tín dụng cho vay mới số tiền cam kết 22.818 tỷ đồng, đã giải ngân cho vay mới 19.846 tỷ đồng, dư nợ cho vay mới đạt 20.375 tỷ đồng (1.490 doanh nghiệp), tăng 6,15% so với cuối năm 2022.

³⁶ Cao hơn Chính phủ giao là 1.103.735 triệu đồng.

³⁷ Giải ngân năm 2022 đạt 4.779.837 triệu đồng, giải ngân năm 2023 ước đạt 6.397.366 triệu đồng.

³⁸ Ngoài ra, thực hiện thủ tục chuyển nhượng 01 dự án và tách 02 dự án (02 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với diện tích khoảng 172,41ha với tổng vốn đầu tư khoảng 4.177 tỷ đồng).

lượng và đạt 66% về số vốn so với kế hoạch, giảm 20% về số lượng và giảm 37% về số vốn đăng ký so với năm 2022. Số doanh nghiệp giải thể, thu hồi 942 doanh nghiệp, đạt 100% kế hoạch, giảm 18% so với năm 2022. Lũy kế toàn tỉnh có 11.971 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 207.979,8 tỷ đồng.

- *Tình hình phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác (HTX, THT):* Thành lập mới 02 liên hiệp HTX, lũy kế có 03 liên hiệp HTX với tổng vốn điều lệ 500 triệu đồng, có 35 HTX thành viên tham gia với tổng số 245 lao động, doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX là 60.000 triệu đồng/năm. Thành lập mới 15 HTX, giải thể 01 HTX, lũy kế đến nay toàn tỉnh có 539 HTX đăng ký hoạt động³⁹, có 323 HTX đang hoạt động hiệu quả, doanh thu bình quân của một HTX năm 2023 là 1.300 triệu đồng/năm, lợi nhuận bình quân đến cuối năm ước đạt 550 triệu đồng, thu nhập bình quân của người lao động khoảng 58 triệu đồng/năm.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ năm học 2022-2023 đối với các cấp học, bậc học và các đề án, dự án, khung kế hoạch thời gian năm học 2023-2024. Tiếp tục tập trung đầu tư mới và nâng cấp trang thiết bị dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới, lũy kế đến nay có 338/603 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt 56,05%, bằng chỉ tiêu kế hoạch. Toàn tỉnh hiện có 144/144 xã, phường, thị trấn duy trì đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3⁴⁰, có 15/15 huyện, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 02 vào tháng 12 năm 2022.

Thực hiện có hiệu quả Phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, dạy và học tập”, lồng ghép với các cuộc vận động và phong trào thi đua khác, đặc biệt là hưởng ứng các phong trào thi đua do Chính phủ phát động⁴¹. Công tác dạy và học được chú trọng về chất lượng⁴². Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2022-2023 có 13.785 thí sinh đỗ tốt nghiệp, đạt tỷ lệ 98,71%, tăng 0,01% so với năm học 2021-2022. Công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông có những chuyển biến tốt, trong đó triển khai tích cực thực hiện hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo⁴³.

b) Y tế

³⁹ trong đó có 474 HTX nông nghiệp, 12 HTX thương mại dịch vụ, 21 HTX giao thông vận tải, 3 HTX xây dựng, 8 HTX tiểu thủ công nghiệp, và 21 quỹ tín dụng nhân dân.

⁴⁰ Được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận Kiên Giang đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 03 năm 2021 tại Quyết định số 1112/QĐ-BGDĐT ngày 20/4/2021.

⁴¹ Bốn phong trào do Chính phủ phát động gồm: “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”, “Cả nước chung tay vì người nghèo – Không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019-2025.

⁴² Tổ chức kỳ thi học sinh giỏi vòng tỉnh THCS, THPT năm học 2022-2023 có 1.095 giải, tăng 150 giải so với năm 2021-2022; kết quả thi học sinh giỏi THPT cấp quốc gia năm học 2022-2023, tỉnh có 192 thí sinh dự thi; đạt 17 giải, xếp thứ 4 khu vực ĐBSCL (Sau TP Cần Thơ, An Giang, Cà Mau).

⁴³ Có 100% Trường Trung học tổ chức các hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp theo chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6,7 và lớp 10 và chương trình hướng nghiệp đối với các lớp còn lại.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống các bệnh truyền nhiễm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ 100% đối tượng qua các cửa khẩu bằng đường hàng không, đường bộ, đường thủy. Tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát tốt; tính từ ngày 01/01 đến ngày 08/11/2023, toàn tỉnh ghi nhận 1.610 trường hợp mắc Covid-19⁴⁴, giảm 10.673 trường hợp so cùng kỳ; tỷ lệ điều trị khỏi bệnh là 98,3%, tỷ lệ tử vong 0%. Các bệnh truyền nhiễm khác tăng so cùng kỳ như: bệnh tay chân miệng 2.780 ca, tăng 1.556 ca; bệnh cúm mùa 525 ca, tăng 59 ca,... Công tác thanh, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường⁴⁵, trong năm ghi nhận 04 vụ ngộ độc thực phẩm, có 100 người bị ảnh hưởng⁴⁶, tử vong 4 người. Chất lượng khám chữa bệnh được tiếp tục quan tâm, tổ chức chuyển giao công nghệ, duy trì các kỹ thuật y tế chất lượng cao và hướng dẫn chuyên môn cho các Trung tâm Y tế tuyến huyện. Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 143/144 xã, đạt 99,3% (kế hoạch là > 90%); số lượng bác sĩ trên vạn dân (kể cả bác sĩ tư nhân) 10,13 (vượt 0,13 so với kế hoạch); tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân 32,3; vượt 0,3% so với kế hoạch; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 100%, đạt kế hoạch.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp bằng nhiều hình thức. Ước tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc năm 2023 đạt 96,39%, tăng 1.359 người so với năm 2022, chiếm 11,73% lực lượng lao động toàn tỉnh; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ước đạt 100% so kế hoạch; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm thất nghiệp 93,4%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 93%, đạt 100% kế hoạch và tăng 16.441 người so với năm 2022.

c) An sinh xã hội, việc làm và giảm nghèo

Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động; nguồn lao động cơ bản đáp ứng yêu cầu khôi phục các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Ước cả năm giải quyết việc làm cho 36.850 lượt lao động, vượt 5,3% kế hoạch, tăng 5,3% so cùng kỳ⁴⁷; tỷ lệ lao động qua đào tạo 72%, đạt kế hoạch, tăng 1,44% so với cùng kỳ, thực hiện đào tạo 24.792 người, vượt 3,3% so với kế hoạch, tăng 0,14% so với cùng kỳ⁴⁸.

Kịp thời phân khai chi tiết vốn đầu tư và vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại 13/15 huyện, thành phố. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội cho các gia

⁴⁴ Lũy kể từ đầu vụ dịch đến nay, là 44.042 trường hợp. Tình hình tiêm vắc xin phòng Covid-19: Người từ 18 tuổi trở lên tiêm đủ mũi đạt 109,1%; trẻ từ 12 đến 17 tuổi tiêm mũi 1 đạt 114,3%, mũi 2 đạt 111%; trẻ từ 05 đến dưới 12 tuổi tiêm mũi 1 đạt 110,8%, mũi 2 đạt 86,5%.

⁴⁵ Cấp 650 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, tăng 150 giấy chứng nhận so với năm 2022, đạt 144% so với kế hoạch. Kiểm tra 13.000 cơ sở, tăng 500 cơ sở so với cùng kỳ, trong đó có 1.865 cơ sở vi phạm, đã xử phạt vi phạm hành chính 35 cơ sở, với số tiền 84,3 triệu đồng.

⁴⁶ 01 vụ ngộ độc, 3 người mắc và 2 người tử vong (do rượu ở TP Rạch Giá), 1 vụ ngộ độc 3 người mắc và 1 người tử vong (do ăn các nóc tại Kiên Hải),

⁴⁷ Giải quyết việc làm trong tỉnh 19.803 lượt, ngoài tỉnh 17.047 lượt, tăng 347 lượt so với năm 2022.

⁴⁸ Tuyển sinh, đào tạo Cao đẳng 1.664; trung cấp 3.459 người, sơ cấp và thường xuyên < 03 tháng 19.669 người.

đình chính sách, người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội⁴⁹. Thực hiện chi trả trợ giúp xã hội thường xuyên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ cho 55.148 người, tăng 3.078 người so với năm 2022, với số tiền 330.644 triệu đồng.

d) Văn hóa, thể thao

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc được chú trọng, quản lý và tổ chức lễ hội được quan tâm. Trong năm 2023 được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Di sản phi vật thể quốc gia đối với “Lễ hội Đình thần Nguyễn Trung Trực - thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang”. Đến nay có 57 di tích được xếp hạng (trong đó có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 22 di tích cấp quốc gia và 34 di tích cấp tỉnh). Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao được tổ chức với nhiều nội dung, hình thức đa dạng phù hợp. Tổ chức thành công nhiều hoạt động sự kiện, biểu diễn văn hoá nghệ thuật. Mạng lưới thiết chế văn hoá cơ sở được xây dựng và hoạt động tốt, phục vụ hưởng thụ văn hóa của nhân dân địa phương. Hiện nay đã có 13 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh cấp huyện, 110 Trung tâm Văn hóa-Thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã; 950 Nhà Văn hóa ấp, khu phố (kết hợp trụ sở ấp, khu phố làm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng) được sử dụng làm điểm sinh hoạt văn hóa và thể thao cộng đồng. Một số công trình, thiết chế văn hóa được đầu tư mới, cải tạo nâng cấp như: Bảo tàng tỉnh, Quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại Phú Quốc, Trung tâm văn hóa tỉnh, Trung tâm văn hóa-thể thao và truyền thanh huyện U Minh Thượng, Giang Thành, Châu Thành.

Hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh cấp huyện từ khi sáp nhập đến nay đã đi vào ổn định. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được quan tâm, phát triển theo hướng nâng cao chất lượng gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tổ chức 13 giải thể thao cấp tỉnh⁵⁰; cử vận động viên tham gia thi đấu ở 45 giải thể thao khu vực, toàn quốc và quốc tế, đạt tổng số 276 huy chương, bao gồm: 60 HCV, 95 HCB, 121 HCD⁵¹. Có 3 vận động viên của tỉnh đạt huy chương đồng tại Seagame 32.

đ) Lĩnh vực khoa học - công nghệ, tài nguyên và môi trường, thông tin và truyền thông

- *Khoa học - công nghệ*: Nhiều hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ được triển khai có hiệu quả. Tiếp nhận 14 sáng kiến giải pháp đề nghị công nhận cấp tỉnh năm 2023. Tổ chức triển khai thực hiện 16 lớp tập huấn kiến thức về đánh giá nội bộ, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tuyển chọn các công trình, giải pháp sáng tạo khoa học và công nghệ đưa vào Sách vàng sáng tạo Việt

⁴⁹ Hỗ trợ quà tết, quà trung thu cho 176.434 lượt trẻ em với tổng số tiền 32,61 tỷ đồng (Trong đó; dịp tết nguyên đán có 10.116 trẻ em được tặng quà trị giá 3,49 tỷ đồng, có 10.968 trẻ em được tặng quà, trao học bổng, trị giá trên 2,4 tỷ đồng, tết trung thu có 154.050 trẻ em được trao quà, trị giá 12,59 tỷ đồng, hỗ trợ 250 nón bảo hiểm trị giá 50 triệu đồng...).

⁵⁰ Với 1.400 vận động viên tham gia thi đấu, và thu hút hơn 15.300 lượt khán giả đón xem và cổ vũ.

⁵¹ Riêng Đại hội thể thao ĐBSCL lần thứ IX cử 9 đoàn, tham gia thi đấu 9 môn, đạt 85 huy chương các loại.

Nam năm 2023. Thực hiện 01 chuyên mục khoa học và công nghệ trên Đài Phát thanh và Truyền hình và 01 chuyên mục trên Báo Kiên Giang. Ban hành kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2023 trên địa bàn tỉnh⁵². Theo dõi 02 đề tài, dự án Quốc gia⁵³, nghiệm thu 07 đề tài, dự án cấp tỉnh⁵⁴, đạt 100% kế hoạch. Đánh giá, nghiệm thu 02 đề tài, dự án cấp cơ sở; tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện 19/17 lượt đề tài, dự án, vượt 18% kế hoạch. Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện 06 đề tài, dự án đạt 75% so kế hoạch. Cấp 44 văn bằng sở hữu công nghiệp, lũy kế là 1.573 văn bằng, tăng 02% so với cùng kỳ. Triển khai xây dựng phần mềm ISO điện tử áp dụng tại các cơ quan hành chính tỉnh Kiên Giang và hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Kiên Giang. Tổ chức đánh giá, xét chọn doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia (có 02 doanh nghiệp đề xuất Hội đồng Quốc gia trình Thủ tướng chính phủ tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2023).

- *Tài nguyên và môi trường*: Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm. Ban hành kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023 trên địa bàn tỉnh, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho 15/15 huyện, thành phố. Triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 tỉnh Kiên Giang⁵⁵; triển khai thực hiện 03 đề án theo Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/4/2021 của Tỉnh ủy, đã được phê duyệt⁵⁶. Công tác thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại công nghiệp được tăng cường, kiểm soát; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại ước đạt 98,97%, vượt 0,97% so với chỉ tiêu được giao. Công tác quản lý chuyên ngành về đất đai, môi trường, biển đảo, tài nguyên

⁵² Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh.

⁵³ Đã nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu và triển khai giải pháp bổ cấp nước mưa vào túi dự trữ nước ngầm tại các đảo thuộc quần đảo Nam Du”; Theo dõi 01 dự án “Ứng dụng công nghệ mới nuôi cá lồng bè bằng lồng Na-Uy sử dụng vật liệu HDPE trên vùng biển Phú Quốc”.

⁵⁴ Trong đó có 20 đề tài, dự án chuyển tiếp sang năm 2023 (04 đề tài, dự án năm 2019, 05 đề tài, dự án năm 2020, 11 đề tài, dự án năm 2022 (02 đề tài, dự án không thực hiện) và 09 đề tài, dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2023 (02 đề tài, dự án không chọn được tổ chức chủ trì). Đề tài, dự án, nghiệm thu là: Dự án “Bảo tồn các loài cá đồng UMT”. Đề tài Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường đã đánh giá thực trạng việc phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Dự án “Thu thập, lưu giữ, bảo tồn nguồn gen Bí kỳ nam tại Kiên Giang”. Đề tài “Luân canh lúa - màu” đã điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất và hiệu quả kinh tế của mô hình trồng lúa 02 - 03 vụ lúa/năm tại Kiên Giang. Đề tài sản xuất giống vẹm xanh đã làm chủ được quy trình sản xuất giống vẹm xanh, Đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm ốc hương. Dự án “Thu thập, lưu giữ và bảo tồn nguồn gen ghẹ xanh (*Portunus pelagicus* Linnaeus, 1996) tại Kiên Giang”.

⁵⁵ Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 31/3/2023 về thẩm định kế hoạch sử dụng đất 2021-2025 của tỉnh Kiên Giang.

⁵⁶ Bao gồm: Đề án “Khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế sẵn có, nhất là về đất đai, tài nguyên – khoáng sản, cảnh quan thiên nhiên, các di tích, danh thắng, giá trị văn hóa truyền thống để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh” (Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 09/6/2022); Đề án “Xã hội hóa về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025” (Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 26/01/2022); Đề án “Tăng cường quản lý, xử lý rác thải, nước thải ở các đô thị, khu dân cư giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo” (Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 08/4/2022).

nước, tài nguyên khoáng sản có sự chủ động, quyết liệt, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót trong thực hiện pháp luật về tài nguyên và môi trường.

- *Công tác thông tin, truyền thông có chuyển biến tích cực*: Trung tâm dữ liệu tỉnh đã được quan tâm đầu tư đảm bảo cung cấp hạ tầng phục vụ triển khai vận hành các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ chuyển đổi số của tỉnh. Triển khai kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II cho 166 cơ quan, đơn vị (100% các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã) để triển khai các dịch vụ, các nền tảng số phục vụ việc quản lý, điều hành chung của tỉnh để đảm bảo an toàn thông tin. Hạ tầng viễn thông được phát triển đồng bộ, mặc dù đặc thù địa lý, điều kiện tự nhiên đa dạng, nhiều xã - huyện đảo nhưng dịch vụ viễn thông di động, băng rộng cố định được phủ cập đến 100% xã, phường, thị trấn đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số tỉnh nhà. Năm 2023, toàn tỉnh có 2.591 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động, trong đó 98,7% có phát sóng 4G, 11 vị trí thí điểm triển khai mạng di động 5G. Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận với các dịch vụ Internet tăng, đặc biệt các hộ nghèo, cận nghèo dần tiếp cận được thông qua Chương trình viễn thông công ích. Tổng thuê bao Internet trên địa bàn tỉnh đạt 1,663 triệu, tăng 3% so với 2022. Tổng số thuê bao điện thoại năm 2023 ước đạt 1.995.699 thuê bao (đạt 97,9% so kế hoạch), giảm 1,32% so với cùng kỳ; mật độ thuê bao điện thoại đạt 113,9 thuê bao/100 dân, giảm 1,5 thuê bao so với cùng kỳ.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp, liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia và kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06 của Chính phủ tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh cung cấp 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình, cung cấp 1.904 thủ tục hành chính và kết nối liên thông, tích hợp với Cổng dịch vụ công Quốc gia đạt tỷ lệ 100%, trong đó có 898 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần là 425 thủ tục. Tỷ lệ phát sinh hồ sơ trực tuyến toàn trình là 46,99%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến đạt 51,8%, tương đương 210.232/406.614 hồ sơ, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần. Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được số hóa đạt 55,8%. Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn đạt 97,40%; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 38,44% (tăng 38,12% so với năm 2022). Kết nối thanh toán trực tuyến với 06 ngân hàng: VIETINBANK, AGRIBANK, SHB, BIDV, VIETCOMBANK, VPBANK và các hệ thống thanh toán trực tuyến, ví điện tử như: VNPT Pay, MoMo, Viettel Pay... Hoàn thành việc tích hợp Chữ ký số công cộng cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

Chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ: 3.799 chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã (tăng 186 chứng thư số). Trong đó, có 3.304 chữ ký số của cá nhân và 495 chữ ký số của tổ chức đã tích hợp chữ ký số lên Hệ thống Văn phòng điện tử và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Theo đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính tỉnh được xếp hạng 36/63 tỉnh/ thành phố (67,7/100 điểm) tăng 21 thứ hạng so với năm 2022. Có 15/15 huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi

số cấp huyện, 100% các khu phố, ấp thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng. Đưa vào vận hành Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang.

Triển khai Cổng thông tin điện tử Chuyển đổi số tỉnh địa chỉ: <https://chuyendoiso.kiengiang.gov.vn> cung cấp thông tin về Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Từng bước phát huy hiệu quả kênh 1022-Kiên Giang và Mini app Kien Giang - S trên nền tảng Zalo cung cấp các thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng thúc đẩy tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức chuyển đổi số.

Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang đã được cập nhật đầy đủ thông tin cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng phục vụ người dân và doanh nghiệp đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐCP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, đến ngày 30/11/2023 đã cung cấp tổng cộng 1.222 tin bài, trung bình 111 tin bài/tháng. Cổng thành phần của UBND các huyện, thành phố là 5.502 tin bài, trung bình 61 tin bài/tháng.

Hệ thống Văn phòng điện tử được triển khai tại các cơ quan nhà nước, đoàn thể và các đơn vị trực thuộc, 15/15 UBND huyện, thành phố và 144/144 UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và thực hiện gửi, nhận và xử lý văn bản, ký số trên môi trường mạng liên thông 3 cấp, kết nối với trực liên thông của Chính phủ qua trực liên thông văn bản quốc gia; đã tích hợp ký số trên thiết bị thông minh thông qua SIM PKI của Ban Cơ yếu Chính phủ. Trong năm tiếp nhận 135.561 văn bản, trong đó có 110.191 văn bản đã được ký số; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100% (trừ văn bản mật).

Đưa sản phẩm nông nghiệp của tỉnh lên sàn giao dịch thương mại điện tử POSTMART.vn để giới thiệu và giao dịch trên sàn, đến nay có 999 sản phẩm được đưa lên sàn; trong đó có 34 sản phẩm OCOP, với tổng số 14.281 giao dịch, tổng giá trị giao dịch là 2,35 tỷ đồng. Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và triển khai nền tảng số là số liên lạc điện tử VNEDU và edu.one. Số người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng đạt 66%. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng (có dây và không dây) là 75,5%; tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng smartphone đạt 85%.

e) Dân tộc, tôn giáo

Trong năm 2023, Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức được 11 cuộc tập huấn, cung cấp thông tin tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh cho 282 vị, tổ chức đưa người có uy tín đi tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm tại một số tỉnh miền trung. Nhìn chung tình hình kinh tế - đời sống của đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định, có bước nâng lên; các chính sách dân tộc luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành trong tổ chức, triển khai thực hiện, bảo đảm kịp thời, đúng quy định, phát huy hiệu quả các chính sách; công tác an sinh xã hội được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện tốt. Đồng bào các dân tộc trong tỉnh đoàn kết, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước, có ý thức giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương, tích cực sản xuất vươn lên làm giàu chính đáng.

Công tác quản lý Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, góp phần ổn định tình hình tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Công tác hướng dẫn, xem xét các đề nghị chính đáng của các tổ chức tôn giáo đúng quy định pháp luật, đáp ứng kịp thời nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo.

3. Quốc phòng - an ninh, đối ngoại; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thanh tra; phòng chống tham nhũng và tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng

a) Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

- Năm 2023, các lực lượng chức năng đã phối hợp bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, các ngày Lễ, Tết, các đoàn lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc tại tỉnh. Chủ động tham mưu đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền giải quyết cơ bản ổn định các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự; phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự. Đấu tranh, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, tổ chức phản động; thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm; tuần tra kiểm soát an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo. Kết quả năm 2023: Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 908 vụ, tăng 169 vụ so với cùng kỳ. Phát hiện 04 vụ tham ô tài sản (tăng 01 vụ); 139 vụ vận chuyển hàng cấm⁵⁷ (ít hơn 93 vụ), thu giữ 224.157 gói thuốc lá điều nhập lậu; 190 vụ vi phạm khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ rừng, bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm và vệ sinh an toàn thực phẩm (ít hơn 131 vụ). Cháy xảy ra 04 vụ (giảm 01 vụ), thiệt hại tài sản khoảng 1,8 tỷ đồng; không xảy ra vụ nổ. Tai nạn giao thông tiếp tục được kéo giảm cả về số vụ và số người chết, xảy ra 82 vụ (giảm 29 vụ), làm chết 51 người (giảm 33 người), bị thương 69 người (tăng 15 người).

- Công tác đối ngoại được tăng cường. Phối hợp với Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức họp mặt kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản với gần 300 đại biểu và sinh viên tham dự. Ban chuyên trách tỉnh Kiên Giang tiếp tục ký kết 04 biên bản hợp tác với 04 Ban chuyên trách của các tỉnh Campuchia (Kampot, Kep, Preah Sihanouk và Koh Kong) về tìm kiếm, quy tập, hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia giai đoạn XXIII (mùa khô 2023-2024). Trao đổi, hợp tác với bang Kerala của Ấn Độ trên các lĩnh vực du lịch, đầu tư, thương mại, mở đường bay thẳng từ Phú Quốc đến Ấn Độ,...

b) Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

⁵⁷ Công an tỉnh 74 vụ; Bộ đội Biên phòng 65 vụ.

- Công tác thanh tra được các cấp, các ngành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt. Toàn tỉnh thực hiện 84 cuộc⁵⁸, đạt 115,06% (*vượt 15,06% chỉ tiêu kế hoạch*) và tiếp tục thực hiện 12 cuộc kỳ trước chuyển sang, tổng cộng 96 cuộc; đã kết thúc, ban hành kết luận được 81 cuộc, còn 15 cuộc đang thực hiện. Qua thanh tra phát hiện sai phạm số tiền 64.662 triệu đồng, trong đó: Thu hồi nộp ngân sách nhà nước 53.751 triệu đồng; xử lý khác 10.911 triệu đồng; xử lý hành chính đối với 132 tập thể, 416 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 07 vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự.

- UBND tỉnh đã tập trung tăng cường ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc công tác tiếp công dân định kỳ, đột xuất theo quy định, đặc biệt là tiếp từng hộ trong các nhóm khiếu nại đông người; quan tâm giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo phát sinh thuộc thẩm quyền gắn với tăng cường gặp gỡ, đối thoại, giải thích chính sách pháp luật để người dân hiểu. Ban Tiếp công dân và Thanh tra các cấp, các ngành tiếp thường xuyên được 2.609 người; 18 lượt đoàn đông người với 232 lượt hộ dân. Chủ tịch UBND tỉnh tiếp định kỳ, đột xuất và đối thoại được 09 kỳ với 97 người; Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch UBND các cấp đã tổ chức tiếp được 202 kỳ với 418 người (*các kỳ còn lại có tổ chức tiếp nhưng không có công dân đăng ký*).

- Công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) được quan tâm thường xuyên, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều hình thức: Cụ thể hóa, ban hành văn bản⁵⁹ triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác PCTN; tổ chức triển khai, quán triệt và tuyên truyền các quy định của pháp luật PCTN⁶⁰. Từ đó, các cấp, các ngành có sự chuyển biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác PCTN, quan tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương tăng cường công khai, minh bạch trên tất cả các lĩnh vực như quyết định công khai quyết toán, dự toán ngân sách, quy hoạch sử dụng đất và giá đất, công bố thông tin doanh nghiệp,...trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: <https://www.kiengiang.gov.vn/trang/chinhquyen.aspx> và trang thông tin của từng tổ chức, đơn vị và địa phương. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 443/UBND-NC ngày 20/3/2023 về việc chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế qua thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng; ban hành Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 07/3/2023 thực hiện đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022 và tổ chức thực hiện. Kết quả đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022

⁵⁸ 73/73 cuộc kế hoạch, 11 cuộc đột xuất.

⁵⁹ Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 02/02/2023 về công tác PCTN-TC năm 2023; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 25/4/2023 thực hiện Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 13/02/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 21/02/2023 thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc năm 2023.

⁶⁰ Tổ chức triển khai được 1.321 cuộc tuyên truyền các chính sách pháp luật, trong đó lồng ghép tuyên truyền pháp luật PCTN với 30.116 lượt cán bộ, công chức và người dân tham dự.

đạt 69,69/100 điểm⁶¹, tăng 10,03 điểm so với điểm do Thanh tra Chính phủ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2021 (59,66/100 điểm).

4. Công tác xây dựng chính quyền và cải cách hành chính nhà nước

- Tiếp tục thực hiện công tác sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước và kiện toàn tổ chức theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 05 cơ quan chuyên môn và 01 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh⁶²; bổ sung nhiệm vụ của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về nông nghiệp và phát triển nông thôn của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện. Đã bổ nhiệm 13 trường hợp; bổ nhiệm lại 10 trường hợp; phân công phụ trách điều hành 02 trường hợp; cho thôi giữ chức vụ 01 trường hợp; nghỉ hưu 02 trường hợp; thôi việc 01 trường hợp lãnh đạo, quản lý cấp sở, ban, ngành và tương đương; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng 04 trường hợp; miễn nhiệm kế toán trưởng 01 trường hợp; tiếp tục thực hiện Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2023 với 33 chỉ tiêu; tiếp nhận vào làm công chức 33 trường hợp; điều động, tiếp nhận, chuyển công tác trong và ngoài tỉnh 205 trường hợp. Phê duyệt 17 kế hoạch tuyển dụng viên chức của các sở, ngành và địa phương⁶³ kết quả đã tuyển dụng 347 trường hợp; cử 12 cán bộ, công chức, viên chức thi nâng ngạch, thi thăng hạng chuyên viên cao cấp năm 2023; thực hiện chế chính sách, tiền lương 344 trường hợp⁶⁴. Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khối Nhà nước tỉnh Kiên Giang năm 2023, qua đó cử 108 công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học; các sở, ban, ngành và địa phương cử 410 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chiêu sinh 18/18 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch.

- Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh năm 2022 tiếp tục được nâng lên, xếp hạng thứ 41/63 tỉnh, thành phố, tăng 22 bậc so với năm 2021 và tăng 20 bậc so với năm 2020; trong đó có 02 lĩnh vực xếp thứ hạng cao so với cả nước: (1) Cải cách tổ chức bộ máy xếp hạng 01/63 tỉnh, thành phố; (2) Cải cách thể chế xếp hạng 05/63 tỉnh, thành phố), từ đó nâng lên mức độ hài lòng và niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của chính quyền các cấp (Chỉ số SIPAS đứng vị trí thứ 24/63 tỉnh, thành phố, tăng 34 bậc so với năm 2021).

⁶¹ Chỉ số DTI năm 2022 của tỉnh Kiên Giang đạt 0,58 được công bố trên trang [TRANG CHỦ | DTI](#)

⁶² Gồm: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Y tế; Sở Văn hóa và Thể thao; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Xây dựng; Trung tâm xúc tiến Đầu tư – Thương mại và Du lịch.

⁶³ Các Sở: Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động – TBXH; UBND các huyện: Hòn Đất, Gò Quao, Kiên Lương, U Minh Thượng, Giang Thành, An Minh, An Biên, Hòn Đất, Kiên Hải và thành phố: Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc; Vườn Quốc gia Phú Quốc.

⁶⁴ Gồm: Bổ nhiệm và xếp lương cho 75 cán bộ, công chức và 22 viên chức đạt kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính; bổ nhiệm và xếp lương viên chức đạt kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp ngành Y tế hạng II 50 trường hợp; Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp bác sĩ cao cấp 02 trường hợp; nâng lương thường xuyên, vượt khung 49 trường hợp; miễn nhiệm ngạch thanh tra viên chính 07 trường hợp; ngạch thanh tra viên 07 trường hợp; chuyển ngạch lương 05 trường hợp. Sở Nội vụ nâng lương thường xuyên, vượt khung, trước thời hạn 90 trường hợp; bhuyển ngạch lương 05 trường hợp; bổ nhiệm vào ngạch công chức 32 trường hợp.

Đã ban hành trên 15 văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC năm 2023 và giao 37 nhiệm vụ cho các sở, ngành liên quan thực hiện công tác CCHC, đến nay đã hoàn thành 24/37 nhiệm vụ, đạt 64,86% so với kế hoạch, còn lại 13 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện; tập trung cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tiếp tục rút ngắn thời gian giải quyết hơn 119 TTHC, giảm từ 3-5 ngày so với quy định. Quy trình giải quyết được thường xuyên được cập nhật; 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã ban hành quy trình giải quyết nội bộ, quy trình điện tử; hoàn thành công bố TTHC toàn trình và một phần; đang tiếp tục rà soát, làm sạch dữ liệu TTHC. Hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt tỷ lệ cao, từ ngày 01/01/2023 đến ngày 16/11/2023, đã tiếp nhận 386.797 hồ sơ (tiếp nhận toàn trình 171.091 hồ sơ, một phần 186.404 hồ sơ, còn lại 29.302 hồ sơ; tiếp nhận trực tuyến 196.088 hồ sơ; trực tiếp, dịch vụ bưu chính 190.709 hồ sơ). Đã giải quyết 363.325 hồ sơ (trước hạn 348.505 hồ sơ, đúng hạn 5.508 hồ sơ, trễ hạn 9.312 hồ sơ); hồ sơ đang giải quyết 9.126 hồ sơ (trong hạn 8.312, trễ hạn 814 hồ sơ); xin rút/dừng/hủy 14.346 hồ sơ.

Kiến toàn Ban Chỉ đạo CCHC ở 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) và ở các ngành, trong đó người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải là Trưởng ban chỉ đạo; thực hiện tốt việc giao ban Ban Chỉ đạo CCHC để qua đó kịp thời đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh và của từng ngành, địa phương; tăng cường thanh tra, kiểm tra CCHC, gắn với trách nhiệm công vụ, kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; nhất là tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh tiếp tục phục hồi và có bước phát triển khá. Tăng trưởng kinh tế đạt 6,79% so cùng kỳ, hầu hết các ngành, lĩnh vực và hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục phát triển ổn định. Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất đã phát huy tác dụng, nhất là chính sách hỗ trợ về thuế, bảo hiểm xã hội, hỗ trợ lao động đã giúp doanh nghiệp duy trì và ổn định sản xuất, các doanh nghiệp tích cực mở rộng, tìm kiếm thị trường, hạn chế cắt giảm sản xuất và lao động, lĩnh vực du lịch có chuyển biến tích cực, doanh thu tăng so cùng kỳ; thị trường tiêu thụ dần ổn định, lượng đơn đặt hàng tăng mạnh, nhất là trong lĩnh vực chế biến thủy sản, sản xuất giày da, may mặc,...; các doanh nghiệp đã chủ động nắm bắt và triển khai kịp thời các hợp đồng cung ứng, tình hình thị trường cung cầu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ổn định, sức mua của người tiêu dùng tăng khá, lượng đơn đặt hàng được duy trì. Công tác tuyên truyền, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định về chống khai thác IUU được tổ chức thực hiện thường xuyên, quyết liệt và kiên quyết xử lý vi phạm. Số cánh đồng lớn gắn liên kết tiêu thụ tăng về diện tích và số cánh đồng so với cùng kỳ. Diện tích sản xuất lúa đạt chuẩn SRP, Hữu cơ, GlobalGAP, chuyển đổi sản xuất hữu cơ phục vụ xuất khẩu sang các thị trường EU, Mỹ, Nhật Bản được mở rộng; tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao của năm 2023 có: (1) **23/24** chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; (2) **01/24** chỉ tiêu đạt trên 90% kế hoạch⁶⁵. Trong đó, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, xuất khẩu đều tăng khá so cùng kỳ. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động tăng; mặc dù số lượng dự án thu hút mới giảm, nhưng số lượng dự án điều chỉnh tăng vốn, tăng quy mô cao hơn nhiều lần so với cùng kỳ cho thấy môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh tiếp tục được cải thiện và có nhiều thuận lợi. Giải ngân đầu tư công đạt mức cao so với cùng kỳ cả về tỷ lệ và giá trị; nhiều công trình trọng điểm được tập trung đẩy nhanh tiến độ, tăng tốc trong những tháng cuối năm. Công tác xác định giá đất dù gặp nhiều khó khăn nhưng nhờ nỗ lực, cố gắng của các ngành, cơ quan chuyên môn nên đã cơ bản được giải quyết, số dự án được xác định giá và nguồn thu từ đất vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, góp phần cho thu ngân sách tăng mạnh so với năm 2022. Thu hút khách du lịch tuy có thời điểm không đạt như kỳ vọng nhưng tính chung cả năm, tổng lượt khách du lịch tăng 15,6% (khách quốc tế, tăng 177%), tổng doanh thu tăng 65% so cùng kỳ. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được quan tâm tổ chức nhiều hơn, tạo không khí vui tươi cho Nhân dân. Nhiệm vụ năm học mới được triển khai theo kế hoạch. Công tác an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng chính sách, người có công, đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện khá tốt, mang lại hiệu quả thiết thực, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được đẩy mạnh. Quyết liệt trong việc xử lý vấn đề thiếu thuốc, vật tư y tế và các tổn động sau đại dịch Covid-19. Cải cách hành chính được tiếp tục quan tâm, nhất là cải cách thủ tục hành chính, nâng dần chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp được thuận lợi hơn. Công tác tư pháp, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện tốt. Quốc phòng, an ninh an toàn, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 24/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tăng cường nhiều đợt tấn công, trấn áp tội phạm, đến nay đã cơ bản kéo giảm, ổn định an ninh, trật tự tại các địa bàn phức tạp. Quyết liệt trong xử lý vi phạm, đất đai, đất rừng, xây dựng trái phép, được Nhân dân đồng tình. Hiệu lực, hiệu quả của quản lý Nhà nước được nâng lên.

2. Tồn tại, hạn chế

Việc xây dựng các đề án theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tuy được quan tâm nhưng còn chậm so với yêu cầu.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nỗ lực vượt lên khó khăn, thách thức, đạt được nhiều kết quả nổi bật, nhưng trong từng lĩnh vực còn tồn tại một số hạn chế nhất định, cần phải nghiêm túc khắc phục trong thời gian tới, cụ thể:

a) Phát triển kinh tế:

⁶⁵ Chỉ tiêu huy động vốn đầu tư toàn xã hội, ước 39.795,55 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch.

Kinh tế tuy có sự phục hồi và tăng trưởng khá, nhưng chưa bền vững, chi phí trung gian còn chiếm tỷ lệ cao, làm giảm chất lượng tăng trưởng kinh tế. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, nhưng còn chậm.

Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, nắng nóng kéo dài đã ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; giá cả nguyên, nhiên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp giữ ở mức cao. Các mô hình canh tác giảm chi phí thích ứng với biến đổi khí hậu chưa được nhân rộng; việc sản xuất lúa theo chuỗi giá trị gia tăng còn hạn chế. Công tác phòng, chống, ngăn chặn tàu cá vi phạm khai thác IUU được chỉ đạo quyết liệt, nhưng từng lúc tình trạng tàu cá mất tín hiệu kết nối thiết bị giám sát hành trình trên biển, vượt ranh giới vẫn còn xảy ra. Huy động nguồn lực của xã hội còn hạn chế (*chỉ đạt 90,8% so kế hoạch*). Do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu, đơn hàng sụt giảm làm ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu; chi phí đầu vào sản xuất tăng cao, nguyên vật liệu khan hiếm (*nhất là nguyên liệu phục vụ cho chế biến thủy sản*) làm cho doanh thu của các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp đạt dưới 50% kế hoạch và giảm so cùng kỳ. Có 07/16 khoản thu, sắc thuế không đạt dự toán; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp, hộ cá nhân kinh doanh trên địa bàn và một số ngành phục hồi chậm, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp; thị trường bất động sản sụt giảm nghiêm trọng;... dẫn đến doanh thu các doanh nghiệp giảm mạnh, nhất là ngành xi măng, ngành thuế đã triển khai các chính sách miễn, giảm, gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất,... từ đó làm giảm nguồn thu ngân sách. Số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt kế hoạch nhưng vốn đăng ký chỉ bằng 66%, doanh nghiệp hoạt động trở lại giảm 12%, doanh nghiệp tạm ngưng tăng 10% so với cùng kỳ.

Tình hình giải ngân đầu tư công, tuy có tăng so cùng kỳ nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu, nhất là các dự án chuyển tiếp từ năm 2022 vẫn còn kéo dài, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án vẫn còn hạn chế; việc thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu các công trình khởi công mới còn chậm. Bên cạnh đó, giá vật tư như: đá, cát xây dựng,... trên địa bàn tỉnh thời gian qua khan hiếm, giá cả tăng cao làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án. Các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội triển khai chậm, giá trị giải ngân nguồn vốn Trung ương của 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia còn thấp. Chi phí nguyên, vật liệu đầu vào vẫn ở mức cao, một số nguyên vật liệu phục vụ cho chế biến thủy sản khan hiếm, việc sản xuất lúa theo chuỗi giá trị gia tăng còn hạn chế, xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản vào thị trường Châu Âu và một số nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn nên một số doanh nghiệp không đáp ứng được yêu cầu đơn hàng, ảnh hưởng đến kế hoạch mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Chưa khai thác được giá trị tiềm năng của phụ phẩm trong sản xuất lúa gạo. Tổng đàn heo đạt thấp so với kế hoạch, dịch bệnh trên tôm nuôi xảy ra làm thiệt hại 1.096,6 ha tôm; giá bán tôm thấp trong khi giá vật liệu đầu vào (thức ăn, con giống, nhiên liệu) tăng cao nên doanh nghiệp và người nuôi gặp khó khăn. Tốc độ tăng trưởng tín dụng còn thấp hơn so với cả nước, triển khai chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ chưa được như kỳ vọng, nợ xấu có nguy cơ gia tăng trong thời gian tới.

b) Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

Tiến độ đầu tư trang thiết bị phục vụ việc dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ vẫn chưa được khắc phục triệt để. Một số công trình văn hóa và công tác tu bổ, tôn tạo di tích, danh thắng triển khai thực hiện còn chậm; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, nhất là ở cấp xã và ấp, khu phố, còn khó khăn về cơ sở vật chất - trang thiết bị, bộ máy quản lý điều hành, tổ chức các hoạt động và kinh phí cho hoạt động. Các bệnh truyền nhiễm tăng so cùng kỳ; mặc dù được quan tâm chỉ đạo nhưng việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế vẫn còn chậm, còn tình trạng thiếu thuốc cục bộ vẫn còn xảy ra. Công tác dự báo thị trường lao động từng lúc chưa kịp thời, chất lượng lao động nâng lên chậm. Xử lý ô nhiễm môi trường ở một số khu vực còn bất cập, nhất là nước thải, chất thải.

d) Trong lĩnh vực cải cách hành chính, xây dựng chính quyền: Mặc dù có nhiều tiến bộ nhưng CCHC vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, tình trạng giải quyết hồ sơ quá hạn, trễ hạn còn xảy ra ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương. Kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa nghiêm.

đ) Tình hình an ninh trật tự từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp. Công tác nắm, dự báo tình hình, địa bàn từng lúc, từng việc chưa kịp thời, phòng ngừa xã hội trong quần chúng nhân dân có nơi chưa thật sự tốt. Vi phạm về đất đai, xây dựng, khai thác khoáng sản từng lúc, từng nơi còn xảy ra.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Do ảnh hưởng của tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, vượt quá khả năng dự báo. Chiến tranh, xung đột giữa một số quốc gia đã làm đứt gãy một số chuỗi cung ứng, làm tăng chi phí logistics và chi phí sản xuất, làm giảm giá trị tăng thêm của một số ngành, lĩnh vực; tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất của Nhân dân và doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tập trung thực hiện tái cơ cấu, cắt giảm chi phí, nhân công và hạn chế mở rộng quy mô, công suất; do đó mặc dù nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước có tăng so với cùng kỳ, nhưng tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội giảm. Xuất khẩu thủy sản vào thị trường Châu Âu và một số nước gặp nhiều khó khăn do các rào cản kỹ thuật và thực hiện xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản.

Do ảnh hưởng thời tiết không thuận lợi, nắng nóng kéo dài đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Giá cả nguyên, nhiên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp vẫn còn giữ ở mức cao; nguyên vật liệu như: đá, cát xây dựng,... trên địa bàn tỉnh còn khan hiếm, giá cả tăng cao làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án,...

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác nắm bắt, dự báo tình hình có lúc còn chưa sát, trong khi năng lực phân tích, đánh giá, dự báo của cơ quan chuyên môn còn hạn chế; tính chủ động trong công tác điều hành, tổ chức thực hiện ở một số sở ngành, địa phương

chưa cao, có lúc, có nơi còn lúng túng, còn bị động, thiếu linh hoạt. Công tác phối hợp giữa một số sở, ngành, địa phương chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả; năng lực làm việc và tinh thần, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ,... Tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách vẫn là khâu yếu; có lúc, có nơi còn lúng túng, trông chờ, ỷ lại, sợ sai, sợ trách nhiệm; nhất là đối với những vấn đề phát sinh mới. Vai trò người đứng đầu một số ngành, địa phương chậm chuyển biến.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Năm 2024 là năm cần tạo ra được bứt phá để góp phần quan trọng hoàn thành kế hoạch 5 năm 2021-2025. Trong bối cảnh thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, khó lường và biến động không ngừng; khó khăn và thuận lợi đan xen nhưng khó khăn nhiều hơn. Xung đột quân sự ở các nước còn tiếp diễn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm, thị trường xuất khẩu có xu hướng bị thu hẹp, giá nguyên nhiên liệu trong nước tăng cao, các nước trên thế giới đặc biệt là các nước lớn tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt.

Trong điều kiện khó khăn chung, việc Trung Quốc mở cửa trở lại phần nào giúp cân bằng những yếu tố bất lợi, mang lại nhiều lợi ích cho ngành nông nghiệp trong nước. Đầu tư công tiếp tục là động lực chính cho phục hồi, mô hình phát triển mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... và thành tựu của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư tác động trực tiếp, nhiều mặt đến Việt Nam...

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; dịch covid-19 cơ bản được kiểm soát; chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục được triển khai; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,... Tuy nhiên, nền kinh tế sẽ phải tiếp tục đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế do chưa hoặc chậm được khắc phục, cũng như các vấn đề về già hoá dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,...

Bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước, trong tình trong giai đoạn tới; kế thừa những thành quả đã đạt được, đổi mới và tiếp thu những xu hướng phát triển chung, cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của kế hoạch 5 năm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra. Tập trung vào xây dựng các nhóm giải pháp cụ thể, khắc phục những hạn chế đã chỉ ra trong Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ và năm 2023, nhằm tháo gỡ khó khăn và cởi trói cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân,... tạo tiền đề phát huy sức mạnh nội tại,

nguồn lực toàn xã hội; chủ động, sáng tạo đề xuất các chương trình, hoạt động, giải pháp có khả năng tạo ra được bứt phá trong năm 2024.

Trên tinh thần đó, UBND tỉnh đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050⁶⁶, làm cơ sở phát huy sức mạnh toàn dân, huy động tối đa mọi nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng thế mạnh của tỉnh.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế số và xã hội số; tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tạo chuyển biến mang tính đột phá trong việc cải thiện hình ảnh của tỉnh với nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; phấn đấu hoàn thành các dự án trọng điểm đưa vào khai thác, nhất là các dự án phát triển hạ tầng thiết yếu như: giao thông, y tế, giáo dục, du lịch,... gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia và các dự án thuộc Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội.

Phát huy hiệu quả Đề án nguồn nhân lực của tỉnh, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; chú trọng thu hút, đào tạo lực lượng lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn phù hợp cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từng bước nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh.

Phát triển kinh tế du lịch, tăng cường công tác xúc tiến, nghiên cứu đề xuất các mô hình du lịch phù hợp với tỉnh. Nghiên cứu phát triển kinh tế ban đêm tại các địa bàn phù hợp. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp phù hợp với mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần Nhân dân; thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lịch sử, danh lam thắng cảnh,... kết hợp xây dựng các chương trình nghệ thuật đặc sắc, quảng bá cho văn hóa, lịch sử, truyền thống và hỗ trợ sự phát triển cho ngành du lịch. Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển đảo.

2. Mục tiêu chủ yếu

- (1) Tăng trưởng kinh tế đạt 6,7% trở lên.
- (2) GRDP bình quân đầu người đạt 81,6 triệu đồng/người.
- (3) Cơ cấu kinh tế:

⁶⁶ Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tỉnh Kiên Giang tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023

- + Nông – lâm – thủy sản: 35,43%;
- + Công nghiệp - xây dựng: 20,82%;
- + Dịch vụ: 38,87%;
- + Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 4,88%;
- (4) Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông lâm thủy sản đạt 1,52% trở lên.
- (5) Tốc độ tăng giá trị sản xuất Công nghiệp tăng 10% trở lên;
- (6) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 12% trở lên. Thu hút 9,2 triệu lượt khách đến tham quan du lịch. Tổng doanh thu đạt 16.900 tỷ đồng.
- (7) Tổng thu ngân sách 16.906,13 tỷ đồng.
- (8) Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 45.000 tỷ đồng;
- (9) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 36,3%.
- (10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 58%.
- (11) Tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường đạt từ 97% trở lên.
- (12) Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế trên 95%.
- (13) Tỷ lệ bác sĩ/vạn dân đạt 10,14.
- (14) Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 33,2 (không bao gồm giường trạm y tế)
- (15) Giải quyết việc làm cho 35.000 lượt lao động.
- (16) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 73%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52%.
- (17) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều duy trì dưới 2%.
- (18) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 93,5%;
- (19) Thêm 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới; công nhận thêm 12 xã nông thôn mới nâng cao và 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- (20) Thêm 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới⁶⁷.
- (21) Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch đạt 89,38%.
- (22) Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt 64,6%.
- (23) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế đạt 98%.
- (24) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì 11% trở lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Ngoài các mục tiêu chủ yếu, để đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu 05 năm theo Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 535/NQ-HĐND ngày 14/01/2023 của

⁶⁷ Huyện An Minh, huyện Kiên Hải.

HĐND tỉnh⁶⁸, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra các chỉ tiêu phấn đấu và nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện, cụ thể như sau:

1. Tập trung thực hiện các chính sách góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định nền kinh tế; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững (chỉ tiêu phấn đấu: Tăng trưởng kinh tế đạt 9,5%; Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản phấn đấu đạt 34,7%; Công nghiệp - xây dựng phấn đấu đạt 21,33%; Dịch vụ đạt 38,85%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 5,12%; GRDP bình quân đầu người đạt 83,8 triệu đồng/người. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 69.373 tỷ đồng để thực hiện các mục tiêu phát triển)

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tích cực huy động vốn tại địa phương, tập trung mở rộng tín dụng, hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên, triển khai các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng, góp phần đẩy lùi tín dụng đen; chủ động triển khai kịp thời các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu; triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán điện tử dịch vụ công trực tuyến, thanh toán qua ngân hàng, triển khai hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp.

- Bảo đảm cân đối ngân sách các cấp, thúc đẩy tăng trưởng, phục hồi và phát triển bền vững các lĩnh vực kinh tế và xã hội. Thực hiện các giải pháp tăng thu, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác. Chống thất thu thuế, phấn đấu thu hồi nợ thuế đúng, đủ, kịp thời. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách địa phương theo hướng hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách địa phương; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách địa phương; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí gắn với các mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững, an ninh, an toàn tài chính địa phương. Quản lý chặt chẽ các khoản chi thường xuyên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, ưu tiên đầu tư vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, các dự án chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024 nhằm đưa vào vận hành khai thác, tạo sức lan toả, động lực mới phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấp hành nghiêm các quy định trong quản lý đầu tư công, đấu thầu, xây dựng, thanh toán vốn. Quyết liệt thực hiện các giải pháp về đẩy mạnh giải ngân; thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng; theo dõi, kiểm tra, đôn

⁶⁸ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm đạt 7,24% trở lên; tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đạt 35-40%; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.485 USD. Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông - lâm - thủy sản chiếm 25,2%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 19,8%; Dịch vụ chiếm 49,37%

độc từng dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công; sớm đưa công trình đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư. Tăng cường phân cấp, ủy quyền, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân.

2. Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021-2025; Chương trình chuyển đổi số quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh. Đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình kết nối, liên thông công dịch vụ công Quốc gia và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cổng Dịch vụ công quốc gia. Công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư. Cải cách các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, giao thông,... nâng cao trách nhiệm thi hành công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, bình đẳng và thuận lợi.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC, thường xuyên cập nhật công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tìm hiểu thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 12/9/2023 về nâng cao chỉ số chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang năm 2023 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025; Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2024; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2024. Tiếp tục phát triển kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã theo hướng đa dịch vụ. Củng cố, kiện toàn các hợp tác xã đủ mạnh để thực hiện tốt vai trò tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng, thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

3. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (chỉ tiêu phấn đấu: Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông lâm thủy sản đạt 2%. Trong đó: Sản lượng lúa đạt 4.400.000 tấn, tỷ lệ sản xuất lúa chất lượng cao duy trì trên 90% tổng diện tích gieo trồng. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 800.000 tấn, trong đó: sản lượng khai thác 435.000 tấn và sản lượng nuôi trồng 365.000 tấn).

a) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, kế hoạch phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông

thôn mới⁶⁹. Tập trung tái cơ cấu quy mô sản xuất, xây dựng các vùng chuyên canh, các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và lộ trình thực hiện theo các ngành hàng chủ lực của tỉnh (trọng tâm là lúa và thủy sản, đặc biệt là phát triển mô hình lúa hữu cơ - tôm) tập trung ở các huyện vùng U Minh Thượng, Gò Quao, Hòn Đất, Kiên Lương... Duy trì ổn định sản lượng lúa và sản xuất lúa có chất lượng cao, sản xuất lúa theo cánh đồng lớn, theo chuỗi giá trị, theo hướng an toàn bền vững, an toàn, hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với du lịch sinh thái, nhất là lồng ghép sản phẩm OCOP gắn với tạo nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương. Tiếp tục chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang mô hình trồng cây màu, cây ăn quả, với một số cây chủ lực phù hợp với các địa phương như: khóm, cây ăn quả các loại, ... tăng cường chuyển giao giống cây trồng mới có chất lượng và giá trị vào sản xuất. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với thị trường tiêu thụ một cách hiệu quả, bền vững; áp dụng đồng bộ cơ giới hóa trong sản xuất, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ; triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất, các hình thức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản hiệu quả, tiên tiến.

Khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại; chủ động phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Triển khai có hiệu quả chuyển dịch cơ cấu đàn chăn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài vật nuôi có giá trị, có thị trường tiêu thụ gắn với triển khai thực hiện hiệu quả *“Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Kiên Giang”*. Đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, cân bằng cung cầu và an sinh xã hội, bảo vệ môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, giết mổ.

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành thủy sản, đảm bảo cơ cấu phù hợp ổn định giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Trong đó, phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản, với các sản phẩm chủ lực theo nhu cầu của thị trường phù hợp với điều kiện của từng vùng sinh thái; hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung có quy mô, diện tích lớn phù hợp với nhu cầu của thị trường, tạo sản phẩm hàng hóa lớn phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; đẩy mạnh phát triển nuôi ven biển, ven đảo và xa khơi, một số đối tượng nuôi có tiềm năng lớn và có giá trị kinh tế cao như: cá bóp, cá bống, ngọc trai, rong sụn... thực hiện hiệu quả Đề án Phát triển nuôi biển theo định hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030. Tiếp tục cơ cấu lại đội tàu, giảm áp lực khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác vùng ven biển và vùng lòng. Đầu tư hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển, thực hiện nghiêm quy định về đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy sản; hướng dẫn việc quản lý khai thác thủy sản theo đúng quy định trong nước và phù hợp với các quy định theo thông lệ quốc tế nhằm tiến tới chấm dứt tình trạng khai thác trái phép, không đăng ký, không khai báo, thành lập các tổ, đội sản xuất trên biển, bảo vệ chủ quyền biên đảo.

⁶⁹ Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Đề án sản xuất giống nông - lâm - thủy sản; Đề án phát triển vùng sản xuất cây ăn quả tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030;...

Tăng cường bảo vệ diện tích rừng hiện có, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi lấn chiếm, chặt phá rừng ven biển, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Đẩy mạnh trồng rừng trên đất bãi bồi ven biển góp phần chống sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu; nghiên cứu phát triển, trồng tái tạo các loài cây bản địa, góp phần nâng cao độ che phủ rừng và chất lượng rừng. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

Triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, bền vững. Tập trung thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao làm cơ sở từng bước xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, góp phần cải thiện điều kiện sản xuất và nâng cao chất lượng đời sống khu vực nông thôn, vùng ven biển và hải đảo. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), gắn với mô hình hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm, khôi phục, công nhận và phát triển thêm một số làng nghề truyền thống.

b) Đẩy mạnh phát triển công nghiệp (*phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp đạt 11,66%*):

Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất thông qua các chính sách hỗ trợ về đầu tư, vốn từ các Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội, nhất là trong khu vực chế biến, chế tạo. Rà soát tình hình đầu tư của các dự án công nghiệp trọng điểm trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án có giá trị gia tăng cao; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để các dự án sớm đi vào vận hành nhằm gia tăng năng lực sản xuất mới, tạo dư địa cho tăng trưởng. Đẩy nhanh thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục về quy hoạch và ưu tiên phát triển các nhà máy chế biến sâu về nông sản, thủy sản ngay tại vùng nguyên liệu sẵn có, gắn với quy hoạch đồng bộ phát triển vùng nguyên liệu, nhất là vùng nuôi biển, nuôi tôm công nghiệp, trong đó, đảm bảo đầu tư và hoàn thành một số dự án để bù đắp phần giá trị bị thiếu hụt từ những dự án triển khai chậm hoặc không có khả năng triển khai trong kỳ kế hoạch. Tăng cường xúc tiến kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, gắn với thực hiện có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại, giao thương kết nối xuất khẩu các sản phẩm chủ lực.

c) Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu (*phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 14,8% bù đắp cho tăng trưởng*):

Thường xuyên theo dõi sát diễn biến thị trường, kịp thời triển khai các giải pháp đảm bảo cung cầu hàng hóa, ổn định thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, OCOP,... tham gia các hoạt động, chương trình kích cầu tiêu dùng, xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm ... trong và ngoài nước, đặc biệt là tham gia sàn thương mại điện tử Kiên Giang để quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm của tỉnh, tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 18/7/2023 về thúc đẩy doanh nghiệp tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030 để mở rộng thị trường và mở rộng xuất khẩu. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, thông tin kịp thời những nội dung của Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nhằm giúp doanh nghiệp khai thác, tận dụng những cơ hội mở rộng thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá theo

Kế hoạch số 256/KH-UBND ngày 27/10/2023 thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết, nhất là các mặt hàng thiết yếu và xăng dầu.

d) Tăng cường xúc tiến du lịch, quảng bá điểm đến, phát triển du lịch nhanh, bền vững (*phần đầu thu hút 11,11 triệu lượt khách đến tham quan, du lịch du. Tổng doanh thu đạt 16.900 tỷ đồng*):

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 16/11/2017 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Cơ cấu lại ngành Du lịch tỉnh Kiên Giang đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án phát triển du lịch cộng đồng, phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình OCOP; phát triển các sản phẩm ngành nghề truyền thống gắn với du lịch, đưa vào khai thác các sản phẩm nông nghiệp chất lượng, sản phẩm truyền thống gắn với phát triển và phục vụ du lịch. Tích cực huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển du lịch, đặc biệt là đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng trọng điểm đến các khu, điểm du lịch.

Khảo sát công nhận thêm các khu, điểm du lịch đáp ứng đủ điều kiện để tạo điểm nhấn phục vụ du khách đến Kiên Giang tham quan, trải nghiệm, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp mở hành khai thác các điểm du lịch, sản phẩm dịch vụ du lịch mới. Triển khai các giải pháp, chương trình kích cầu du lịch, nâng cao hiệu quả hợp tác, liên kết, xúc tiến, quảng bá du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và hình thành, phát triển các tour du lịch mới kết nối Kiên Giang với các tỉnh, thành phố trong nước và quốc tế. Ứng dụng hệ thống tích hợp video thực tế ảo để quảng bá hình ảnh du lịch, hệ thống mua vé trực tuyến, ứng dụng di động (mobile app). Nghiên cứu đề xuất chính sách ưu đãi đầu tư, tạo môi trường đầu tư kinh doanh du lịch thuận lợi, thông thoáng, nâng cao chất lượng, đa dạng các sản phẩm du lịch, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch. Triển khai xúc tiến, quảng bá hợp tác phát triển du lịch tại các thị trường trọng điểm du lịch trong và ngoài nước như: Ấn Độ, Vương Quốc Anh, thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai... Nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển kinh tế ban đêm, thí điểm tại một số địa phương, địa bàn các mô hình kinh tế ban đêm phù hợp để đầu tư phát triển.

đ) Tiếp tục nghiên cứu mở tuyến vận tải ven biển Việt Nam - Campuchia - Thái Lan. Phát triển đội tàu biển để kết nối giao thông vận tải giữa đất liền với các huyện đảo; phát triển giao thông vận tải biển kết nối với các nước trong khu vực như: Campuchia, Thái Lan, Malaysia, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế biển, khai thác có hiệu quả tiềm năng du dịch biển. Tập trung xây dựng Đề án phát triển kinh tế biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia và Dự án Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Kiên Giang - giai đoạn 2.

4. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nhất là



hạ tầng giao thông; đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm, có tính liên kết vùng

- Tập trung xây dựng đồng bộ, từng bước hoàn chỉnh và hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, kết hợp nguồn vốn giữa Trung ương và địa phương, tranh thủ vốn ODA, vốn tư nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các dự án trọng điểm. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành trung ương triển khai các công trình, dự án trong Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, gồm: Dự án đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau; nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn QL80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng nối huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ,... Tổ chức xây dựng bến thủy Xẻo Nhàu, Luỹnh Huỳnh quy mô cảng tổng hợp và các bến, cảng du lịch tại các huyện đảo Kiên Lương và Hòn Tre. Tiếp tục kiến nghị Trung ương đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Rạch Giá và cảng hàng không quốc tế Phú Quốc. Xây dựng hoàn thành Cảng hành khách quốc tế Phú Quốc; nâng cấp, mở rộng cảng Bãi Vòng, cảng Rạch Giá; xây dựng cảng tổng hợp tại Mũi Đất Đỏ, cảng Vĩnh Đầm - Phú Quốc, cảng Hòn Chông,...

Thực hiện Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh về đầu tư phát triển giao thông nông thôn; năm 2024 dự kiến đầu tư xây dựng mới 270km và nâng cấp, mở rộng 260km với tổng các nguồn dự kiến bố trí 493 tỷ đồng. Nâng tổng số chiều dài đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh lên 7.353km/9565km, đạt 76,8% số km đường giao thông nông thôn được quy hoạch.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Quy hoạch chung thành phố và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên và các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh, sớm đưa quy hoạch vào triển khai thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi thu hút, kêu gọi đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tranh thủ và huy động các nguồn vốn để triển khai dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Lộc 2, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Xẻo Rô. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư của các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp Vĩnh Hòa Hưng Nam - giai đoạn 1, để đảm bảo lấp đầy trên 60%, làm cơ sở kêu gọi và triển khai đầu tư cụm công nghiệp Cái Tư, huyện Gò Quao.

- Tiếp tục thu hút đầu tư, nhất là các dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp, xử lý nước thải, rác thải, cấp nước sinh hoạt,... Ưu tiên kêu gọi đầu tư các dự án FDI, dự án sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

5. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương pháp dạy và học đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học

phổ thông và nâng cao chất lượng đào tạo đại học. Thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích đào tạo, đào tạo lại, thu hút nhân tài và nâng cao thu nhập nhằm phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, nhất là đối với khu vực, địa bàn khó khăn, biên giới, hải đảo. Thực hiện tốt công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học; quan tâm đầu tư trường đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông theo lộ trình quy định.

Tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tập trung, từng bước đào tạo tiếp cận với trình độ các nước trong khu vực và thế giới; thực hiện tốt kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đạt chuẩn chất lượng đào tạo theo quy định. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo, ưu tiên đầu tư cho các trường chất lượng cao, trường có nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN, trường chuyên biệt đào tạo nghề cho người dân tộc thiểu số.

- Đẩy mạnh việc triển khai nhân rộng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã được đánh giá, nghiệm thu đạt kết quả cao vào sản xuất và đời sống; đảm bảo các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng vào thực tiễn từ 75% trở lên. Thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh hợp tác công - tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 22/2/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. Tăng cường hoạt động hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế; đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ trong sản xuất.

6. Chú trọng chăm lo phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội:

a) Văn hoá - thể dục, thể thao; giáo dục

Tiếp tục chăm lo phát triển văn hoá thể thao, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, xây dựng nếp sống văn minh, tiến bộ, gia đình văn hóa. Huy động, sử dụng tốt nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh các thiết chế văn hóa cơ sở; xây dựng một số công trình văn hóa trung tâm tạo điểm nhấn tại các đô thị lớn như: xây dựng hoàn thành công trình tượng đài Bác Hồ tại Phú Quốc; Trung tâm Triển lãm nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa. Đầu tư

nâng cấp, tôn tạo, bảo vệ các di tích văn hóa, lịch sử, di tích cách mạng và các danh lam thắng cảnh trên địa bàn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; duy trì và nâng cao chất lượng các lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa - thể thao. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; ưu tiên phát triển thể thao thành tích cao; kết hợp xây dựng hệ thống các sân bãi tập luyện; có chính sách phù hợp nhằm phát huy tối đa công năng nhà thi đấu đa năng và các cơ sở vật chất hiện có, phục vụ tập luyện, thi đấu và dịch vụ.

Tiếp tục thực hiện tốt các nội dung về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế thích ứng điều kiện bình thường mới của năm học 2022-2023. Triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học năm học 2022-2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện chủ đề của năm học *“Đoàn kết, nỗ lực vượt khó khăn, đổi mới sáng tạo, củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo”*. Tích cực xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình mục tiêu Đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Tăng cường các điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với các lớp 3, 7, 10. Xây dựng kế hoạch điều chỉnh giáo viên thừa – thiếu cục bộ gắn với việc tinh giản biên chế; Tăng cường công tác tự đánh giá, đánh giá đội ngũ nhà giáo; đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện công tác rà soát, đánh giá, sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phù hợp với năng lực chuyên môn và thực tiễn từng đơn vị. Tăng cường đảm bảo an ninh trường học, phòng chống bạo lực học đường.

b) Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (*phần đầu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội đạt 15,3% (trong đó: Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 12,44%; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 2,59%); Tỷ lệ bảo hiểm thất nghiệp đạt 11,1%*)

Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám và điều trị bệnh. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại nâng cao trình độ chuyên môn, y đức cho đội ngũ cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở để đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng. Kết hợp hài hòa giữa phát triển y tế công lập và ngoài công lập, giữa y học hiện đại và y học cổ truyền; xây dựng cơ sở y tế kết hợp quân dân y, đặc biệt là tuyến biên giới, hải đảo. Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng; tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe để người dân chủ động thực hiện các biện pháp tự phòng, chống dịch bệnh theo hướng chủ động, không để xảy ra dịch lớn; hạn chế tối đa số ca mắc, tử vong và tác hại của dịch bệnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị đã được đầu tư, góp phần nâng cao chất lượng công tác khám và điều trị bệnh cho người dân.

c) *Đẩy mạnh đào tạo lao động, giải quyết việc làm và an sinh xã hội*



Nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; gắn với kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia; đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm; triển khai sản giao dịch việc làm, phiên giao dịch việc làm tại các địa phương trong tỉnh. Tăng cường quản lý nhà nước về công tác an toàn - vệ sinh lao động; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong tuyển sinh, chất lượng đào tạo của giáo dục nghề nghiệp.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, chi trả trợ cấp kịp thời chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng. Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Huy động nguồn lực xã hội, phát triển các hình thức trợ giúp để tạo điều kiện cho các đối tượng yếu thế vượt qua hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập cộng đồng.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phù hợp với trẻ em, tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Thực hiện các chương trình, chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng, chống tệ nạn xã hội.

d) Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo

Tiếp tục tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách dân tộc, tôn giáo, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy tốt vai trò của người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Hỗ trợ, khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, dịch vụ; tổ chức tốt các Lễ, Tết của đồng bào các dân tộc thiểu số; đảm bảo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc.

7. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Tăng cường quản lý tài nguyên khoáng sản; rà soát, định hướng cho việc cung cấp, đáp ứng yêu cầu về vật liệu xây dựng, vật liệu san lấp cho các công trình trọng điểm của tỉnh, trong đó có các đường cao tốc theo chủ trương của Chính phủ. Đẩy nhanh tiến độ điều tra cơ bản tài nguyên nước; tăng cường quản lý việc cấp phép khai thác nước dưới đất. Thực hiện rà soát, ban hành cơ chế, tổ chức thực hiện chặt chẽ, kịp thời giá đất. Triển khai các giải pháp nhằm quản lý đến từng thửa đất công, đất nhà nước quản lý, thực hiện có hiệu quả công tác phát triển quỹ đất; tài chính đất theo định hướng của Luật Đất đai. Lập kế hoạch cấp

nước an toàn, phân vùng dịch vụ, ký kết thỏa thuận dịch vụ cấp nước; thực hiện quy định về quản lý nước thải theo quy định Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi). Tăng cường giám sát và kiểm soát các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý các chất thải y tế và các chất thải độc hại đúng quy trình, nhân rộng việc phân loại rác tại nguồn theo quy định. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, thông tin kịp thời về diễn biến thời tiết thiên tai (hạn hán, xâm nhập mặn, xói lở bờ sông, bờ biển,...) để phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung xây dựng Đề án phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển Quốc gia.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; quyết liệt đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thật sự hiệu quả; đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao các chỉ số đo lường công tác chỉ đạo, điều hành của cấp chính quyền địa phương, như: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số quản trị và hành chính công (PAPI)... triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (DDCI); Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

Tiếp tục sắp xếp bộ máy nhà nước và kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện thanh tra hành chính, thanh tra theo kế hoạch, đột xuất và thanh tra trách nhiệm thực hiện công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Triển khai thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, theo dõi, đôn đốc, xử lý kiên quyết sau thanh tra.

Tiếp tục cải cách hành chính tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, thi hành án. Thực hiện tốt Luật Tiếp công dân; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền đối với pháp luật giải quyết khiếu nại, tố cáo cho Nhân dân ở xã, phường, thị trấn để giảm lượng đơn thư khiếu nại sai, vượt cấp.

9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội; mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Giữ vững quốc phòng - an ninh, tăng cường đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác nắm, đánh giá, dự báo tình hình, chủ động xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống phát sinh, không để bị động bất ngờ. Đảm bảo công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu giao.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ khiếu nại tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông. Phấn đấu giảm số vụ tai nạn giao thông so với năm 2023.

Thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, buôn lậu, gian lận thương mại trên biên giới, vùng biển. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm, chấm dứt tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài.

Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động đối ngoại với nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả, nâng cao chất lượng công tác đối ngoại và xây dựng năng lực cạnh tranh phù hợp trong tình hình mới.

10. Đẩy mạnh công tác thông tin, báo chí, truyền thông

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền cho người dân và doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến thông qua các nền tảng mạng xã hội, qua các cơ quan Báo, Đài trong và ngoài tỉnh.

Tăng cường ứng dụng, tích hợp chữ ký số chuyên dùng trên hệ thống Văn phòng điện tử và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong gửi nhận văn bản điện tử và tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính nhằm tăng tỷ lệ số hóa hồ sơ và trả kết quả điện tử cho người dân, doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2024. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./. *mng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (A và B);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- LĐVP;
- CVNC;
- Ban Tiếp Công dân tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Lưu: VT, ddqnhut.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thành
Lâm Minh Thành

KIÊN GIANG

**BIỂU 2: BIỂU CHỈ TIÊU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2024 TỈNH KIÊN GIANG**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 596/BC-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Thực hiện so sánh với Kế hoạch	Năm 2024		Kế hoạch 2024/ So UTH 2023
		Kế hoạch	Ước cả năm (lần 1)	Ước cả năm (lần 2)		Kế hoạch	Mục tiêu phấn đấu	
1	2	3	4		5	6		7
I. VỀ KINH TẾ								
1. Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	6,5	7,13	6,79	Vượt	6,70	9,50	98,67%
+ Nông - Lâm - Thủy sản	%	1,36	2,42	2,96		1,57	2,05	
+ Công Nghiệp - Xây dựng	%	8,88	8,66	8,36		9,41	14,99	
Riêng Công nghiệp	%	8,54	9,69	10,59		9,45	11,10	
+ Dịch vụ	%	10,47	11,34	10,02		10,13	12,93	
+ Thuế NK, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,00	6,32	5,95		7,00	15,00	
Trong đó: -Giá trị Gia tăng GRDP	Tỷ đồng	72.882,55	73.280,26	73.377,01	Vượt	78.290,2	80.347,9	106,70%
2. GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	71	74,11	73,74		81,60	83,80	
3. Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)	%	100,00	100,00	100,00		100,00	100,00	
+ Nông - Lâm - Thủy sản	%	37,05	36,76	37,02		35,43	34,70	
+ Công Nghiệp - Xây dựng	%	20,82	20,43	20,53		20,82	21,33	
+ Dịch vụ	%	36,99	37,87	37,53		38,87	38,85	
+ Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%	5,14	4,93	4,92		4,88	5,12	
4. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành Nông - Lâm - Thủy sản (Giá SS2010)	%	1,24%	1,80%	2,86%	Vượt	1,52%	2,00%	
5. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp (Giá SS2010)	%	8,0%	10,68%	11,11%	Vượt	10,00%	11,66%	90,01%
6. Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (Giá Hiện hành)	%	10,19%	12,36%	18,20%	Vượt	12,00%	14,80%	65,93%
7. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	12.177,00	12.177,00	15.120,50	Vượt	16.906,13	16.906,13	111,81%
8. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	43.800,00	43.850,00	39.795,55	K. đạt	45.000,00	69.373,00	113,08%
9. Tỷ lệ đô thị hóa	%	35,6	35,60	35,60	Đạt	36,30	36,30	101,97%



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Thực hiện so sánh với Kế hoạch	Năm 2024		Kế hoạch 2024/ So UTH 2023
		Kế hoạch	Ước cả năm (lần 1)	Ước cả năm (lần 2)		Kế hoạch	Mục tiêu phấn đấu	
II. VỀ XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG								
10. Tỷ lệ cơ sở giáo dục công lập đạt chuẩn Quốc gia	%	56	56,00	56,00	Đạt	58,00	58,00	103,57%
11. Tỷ lệ huy động học sinh từ 6-14 tuổi đến trường	%	97,5	97,5	97,51	Đạt	97,51 trở lên	97,51 trở lên	100%
12. Số lượt lao động được giải quyết việc làm	Lượt người	35.000	35.000	36.850	Vượt	35.000	35.000	94,98%
13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	72,00	72,00	72,00	Đạt	73,00	73,00	101,39%
Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	51,50	51,50	51,50		52,00	52,00	100,97%
14. Số xã đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	Thêm 3 xã (*)	Thêm 3 xã, lũy kế 110 xã	Thêm 3 xã, lũy kế 110 xã	Đạt	Thêm 5 xã (*)	Thêm 5 xã (*)	166,67%
15. Số huyện đạt tiêu chí NTM	Xã	Thêm 2 huyện	Thêm 2 huyện, lũy kế 7 huyện	Thêm 2 huyện, lũy kế 7 huyện	Đạt	Thêm 2 huyện	Thêm 2 huyện	100,0%
Trong đó: xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	14	14	14, lũy kế 19 xã NTM nâng cao		12	12	93%
xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	1				3	3	
16. Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	>90 (**)	>90	99,30	Đạt	>95 (**)	>95 (**)	106%
17. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân	Bác sĩ/ Vạn dân	10	10,17	10,13	Vượt	10,14	10,14	100,10%
18. Tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân	Giường/ Vạn dân	32	32,40	32,30	Vượt	33,20	33,20	102,79%
19. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%	Duy trì dưới 2%	Giảm còn 1,7%	1,29	Vượt	phấn đấu giảm 0,2%	phấn đấu giảm 0,2%	
20. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	92,25	92,25	93,00	Đạt	93,50	93,50	100,54%
Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội	%			14,36		15,03	15,03	104,67%
Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc	%			11,73		12,44	12,44	106,05%
Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện	%			2,63		2,59	2,59	98,48%
Tỷ lệ bảo hiểm thất nghiệp	%			10,57		11,10	11,10	105,01%
21. Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch (**)	Xã	88,35%	88,35%	88,35%	Đạt	89,38%	89,38%	101,17%
22. Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch	%	64,4	64,4	64,4	Đạt	64,6	64,6	100,31%
23. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	>96	98,97	98,97	Đạt	>98%	>98%	



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023			Thực hiện so sánh với Kế hoạch	Năm 2024		Kế hoạch 2024/ So UTH 2023
		Kế hoạch	Ước cả năm (lần 1)	Ước cả năm (lần 2)		Kế hoạch	Mục tiêu phấn đấu	
Trong đó: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế	%	98	100,00	100,00	Đạt	100,00	100,00	
24. Tỷ lệ che phủ rừng	%	11,00	11,00	11,93	Vượt	duy trì 11% trở lên	duy trì 11% trở lên	92,20%

Ghi chú:

Trong 24 chỉ tiêu có 23 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; 01 chỉ tiêu đạt trên 90% kế hoạch.

(*): Trong năm 2023, việc xét các tiêu chí đạt Nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thực hiện theo Bộ tiêu chí mới.

(**): Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia Y tế theo chuẩn mới giai đoạn 2021-2030 (quy định 10 năm ban hành tiêu chí mới), vì vậy xét lại các xã (xã đạt sẽ giảm).

